

Số: 2044/SYT-KHTC

Kiên Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2024

V/v rà soát, chủ động tổ chức đấu thầu mua sắm các vật tư y tế không lựa chọn được nhà thầu các gói thầu mua sắm tập trung vật tư y tế tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025.

Số: 935
Ngày: 26/6
Chức vụ: Phó Giám đốc
Họ và tên: Đỗ Thiện Tùng

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế;
- Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An.

Trên cơ sở Quyết định số 1593/QĐ-SYT ngày 17/6/2024 về việc huỷ thầu các mặt hàng vật tư y tế không có kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 (đính kèm quyết định và danh mục), nhằm đảm bảo việc cung ứng đủ vật tư y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người bệnh, Sở Y tế đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung như sau:

- Đơn vị phải có kế hoạch sử dụng kết quả sau thầu đảm bảo nguyên tắc an toàn, hợp lý, hiệu quả và kinh tế.

- Đối với các mặt hàng không lựa chọn được nhà thầu Sở Y tế đề nghị các đơn vị rà soát danh mục các mặt hàng trúng thầu được phân bổ cùng chủng loại có mục đích, tính năng, công dụng, chất lượng tương đương (gọi tắt là cùng chủng loại tương đương) để sử dụng thay thế cho các mặt hàng không lựa chọn được nhà thầu.

- Cần đảm bảo cân bằng tỷ lệ mua sắm giữa các mặt hàng trúng thầu cùng chủng loại tương đương, tránh trường hợp chỉ tập trung mua sắm một vài mặt hàng mà không mua sắm các mặt hàng còn lại đã trúng thầu cùng chủng loại tương đương khác dẫn đến tình trạng thiếu vật tư y tế để phục vụ cho người bệnh.

- Trường hợp không có mặt hàng để thay thế cùng chủng loại tương đương thì đơn vị xem xét, đánh giá về nhu cầu, tính cấp thiết phải mua sắm để phục vụ cho người bệnh thì chủ động tổ chức đấu thầu mua sắm theo quy định hiện hành.

- Các đơn vị khi có nhu cầu phát sinh mà đơn vị chưa tổ chức đấu thầu mua sắm trước đó hoặc có dự trù mua sắm mà không lựa chọn được nhà thầu thì đơn vị xin điều tiết kết quả trúng thầu từ các đơn vị khác trong tỉnh theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- GD và các PGD SYT;
- BHXH tỉnh;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, KHTC. 4

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Thiện Tùng





11/11/11
11/11/11
11/11/11
11/11/11

Số: 1593/QĐ-SYT

Kiên Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc huỷ thầu các mặt hàng vật tư y tế không có kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG

Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Công văn số 908/TB-VP ngày 12/10/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về thông báo ý kiến kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh đối với việc xem xét chủ trương, phương án tổ chức thực hiện mua sắm thuốc và vật tư y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Danh mục vật tư y tế mua sắm tập trung cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025;

Quyết định số 2693/QĐ-SYT ngày 15/9/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Bên mời thầu tổ chức mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025;

Quyết định số 3520/QĐ-SYT ngày 08/11/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt và ban hành Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025;

Quyết định số 3521/QĐ-SYT ngày 08/11/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt và ban hành Hồ sơ mời thầu (E-HSNT) Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025;

Quyết định số 1520/QĐ-SYT ngày 23/5/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật của Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thay thế Quyết định số 1464/QĐ-SYT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1529/QĐ-SYT ngày 25/5/2024 về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thay thế Quyết định số 1519/QĐ-SYT ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-SYT ngày 31/5/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-SYT ngày 31/5/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-SYT ngày 04/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1548/QĐ-SYT ngày 31/5/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-SYT ngày 06/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-SYT ngày 06/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai

đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-SYT ngày 10/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-SYT ngày 10/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 2);

Trên cơ sở Tờ trình số 30/TTr-BMT ngày 17/6/2024 của Bên mời thầu về việc huỷ thầu các mặt hàng vật tư y tế không có kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ thầu đối với 98 mặt hàng vật tư y tế của Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 và Huỷ thầu đối với 318 mặt hàng vật tư y tế của Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 (chi tiết tại Phụ lục 1, 2 đính kèm).

Lý do: Không có nhà thầu dự thầu (Gói số 01 gồm 39 mặt hàng; Gói số 01 gồm 154 mặt hàng), không đáp ứng về đánh giá tính hợp lệ, năng lực kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật và giá (Gói số 01 gồm 59 mặt hàng; Gói số 01 gồm 154 mặt hàng)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng chức năng của Sở Y tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ đầu tư (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- GD và các PGĐ SYT;
- Bên mời thầu;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, KHTC.



Đỗ Thiện Tùng

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH VẬT TƯ Y TẾ HUỖ THẦU

Gói số 01: Mua sắm tập trung vật tư y tế kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025
(Đính kèm Quyết định số 1593/QĐ-SYT ngày 17/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: VND.

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
1	16	Ống thông chẩn đoán đuôi heo chất liệu nylon bền sợi kim loại các loại	<p>Catheter chẩn đoán ngoại biên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nylon trơn nhẵn và an toàn với cơ thể bệnh nhân - Có đường viền đen giúp thân ống thông giữ được hình dạng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu tip tốt. - Đường kính trong 0.040" (1.02mm) loại 4F, 0.046" (1.17mm) loại 5F - Loại Multipurpose A1, Cobra 1, Cobra 2, Simmon 1, Simmon 1, Verterbral,... - Độ kích thước: dài 65cm, 100cm, 125cm - Tương thích gu-de wire 0.035"; 0.038" - Có lỗ hoặc không có lỗ bên tùy mã sản phẩm. <p>Đạt tiêu chuẩn FDA</p>	Cái	650.000	200
2	21	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại Pointer, chất liệu Proprietary Nylon.	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc dạng tết double wire stainless steel. - Chất liệu Pointer proprietary Nylon. - Đầu shape atraumatic soft tip giúp giảm khả năng gây tổn thương thành mạch. - Đầu các loại kích cỡ: 4F, 5F-6F, áp lực max 1200 psi (80atm). - Đường kính (trong/ngoài) : 1.18 mm/1.65mm loại 5F và 1.44mm/2.0mm loại 6F. - Có các độ cong đặc biệt : William, Sones, Judkins, Gamal, Bypass,... - Trong thích sử dụng wire 0.038" 	Cái	650.000	1000
3	27	Ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương mạch vành phức tạp	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dài 150cm bao gồm thanh dây dài 108cm làm bằng thép không gỉ, đặc half-pipe dài 17cm, đoạn rapid exchange dài 25cm. Đường kính 5F, 5.5F, 6F, 7F và 8F. Ống thông GuideLiner có hai vòng đánh dấu cân quang; vòng đánh dấu cân quang đầu xa rộng 2mm, vòng đánh dấu đầu gần rộng 4mm đặt gần ngõ vào của dây dẫn. Trên ống thông còn có hai vị trí đánh định vị; tại kharq 95cm (điểm đánh dấu đơn) và 105cm (điểm đánh dấu cân quang kép) tính từ đầu xa. Tiêu chuẩn FDA - Vị ống thông can thiệp mạch vành phủ lớp ai nước Hydrophilic Polymer có thiết kế ống Type-Highflow là Stainless Steel giúp vững chắc, xoay và đẩy dễ dàng hơn. - Chất liệu ống thông: Nhựa Nylon/ fluorocarbon. - Đầu tip có marker bằng Pt giúp định vị tốt và đoạn xa đang đặt bằng Tungsten blade. - Đường kính ngoài (tip/distal) : 1.8 Fr/2.7 Fr - 2.0Fr/2.7Fr - 2.8Fr/2.8Fr. - Chiều dài khả dụng : 110cm, 130cm và 150cm. 	Cái	15.000.000	300
4	40	Vị ống thông dùng trong can thiệp CTO, đường kính ngoài nhỏ nhất 1.8Fr, đường kính trong nhỏ 0.017", phủ hydrophilic polymer	<ul style="list-style-type: none"> - Vị ống thông dùng trong can thiệp CTO, đường kính ngoài nhỏ nhất 1.8Fr, đường kính trong nhỏ 0.017", phủ hydrophilic polymer 	Cái	11.500.000	100

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
5	45	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương ngoài não	Tên sản phẩm: Vi ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương ngoài não Vi ống thông được thiết kế dạng bên bằng thép không gỉ, bên ngoài ống thông phủ lớp áo nước dài 40cm. Chiều dài khả dụng 150cm và 130cm. Đường kính ngoài đầu xa 1.8F. Trên ống thông còn có hai vị trí dấu định vị: tại khoảng 95cm (điểm đánh dấu đơn) và 105cm (điểm đánh dấu cân quang kép) tính từ đầu xa. Tiêu chuẩn FDA	Cái	12.500.000	100
6	46	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương ngoài não và tổn thương mạch nhánh	Tên sản phẩm: Vi ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương ngoài não và tổn thương mạch nhánh Vi ống thông được thiết kế dạng cuộn dây kép, bên trong phủ lớp PTFE, bên ngoài ống thông phủ lớp áo nước dài 80cm. Chiều dài khả dụng 150cm và 130cm. Nhiều loại đầu tip khác nhau: dạng cong 45°, 90°, 120°, 90° XT, đường kính ngoài đầu xa 2.4F. Trên ống thông còn có hai vị trí dấu định vị: tại khoảng 95cm (điểm đánh dấu đơn) và 105cm (điểm đánh dấu cân quang kép) tính từ đầu xa. Tiêu chuẩn FDA	Cái	12.500.000	50
7	47	Vi ống thông trong can thiệp tổn thương tác mạn tính đầu tip dạng ren mạ vàng	Tên sản phẩm: Vi ống thông trong can thiệp tổn thương tác mạn tính đầu tip dạng ren mạ vàng Vi ống thông được thiết kế hai lớp polymer bao bọc một lớp dạng bên và hai lớp dây cuộn bên trong. Chiều dài khả dụng 150cm và 135cm, bên trong phủ PTFE, bên ngoài phủ lớp áo nước dài 60cm. Đường kính ngoài đầu gần 2.9F, đường kính đầu ngoài tip 2.1F được mạ vàng. Tiêu chuẩn FDA	Cái	16.000.000	50
8	57	Bộ Van dẫn lưu dịch não tủy có thể điều chỉnh 5 mức áp lực	Tên sản phẩm: Bộ Van dẫn lưu dịch não tủy có thể điều chỉnh 5 mức áp lực Van có khóa chống thay đổi áp lực khi bị tác động bởi ngoại lực do va đập hoặc khi vào vùng từ trường MRI Van Có 05 mức lực từ 30 - 70 - 110 - 150 - 200 mm H2O. Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép Đường kính Van 16 mm Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng Kèm theo: Dây thoát dịch não tủy gắn sẵn vào van, dài 23 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm Đạt chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	58.200.000	20
9	59	Van động mạch chủ AP 360 cơ học gỡ nối các cỡ (16,18,20,22,24)	Tên sản phẩm: Van động mạch chủ AP 360 cơ học gỡ nối các cỡ (16,18,20,22,24) Van tim động mạch chủ cơ học Van tim cấu tạo bằng carbon rắn nhiệt phân cứng, vòng van chứa một lớp lót polytetrafluoroetylen (PTFE) bên trong vải polyester nhúng đôi. Các cỡ 16 -> 24, đường kính lỗ van 14.8 - 22.8mm; diện tích mở van 1.55 - 3.84 cm2 Đặc điểm: Thiết kế trục xoay gỡ nối, giảm tụ huyết khối, giảm tiếng ồn. Kèm tay cầm van và dụng cụ hỗ trợ Tiêu chuẩn FDA	Cái	30.000.000	40

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
10	61	Van hai lá cơ học có khung bảo vệ chốt van động mạch chủ các cỡ	Cánh van mở rộng 85 độ. Tương thích khi chụp cộng hưởng từ. Lá van làm bằng chất liệu Pyrolytic carbon giúp tăng khả năng kháng tạo huyết khối. Vòng van có cơ chế xoay dễ dàng điều chỉnh vị trí khi phẫu thuật, có đánh dấu để dễ dàng định vị van vào tim khi khâu van. Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau: kích thước vòng van 19, 21, 23, 25, 27, 29, 31, 33, 35, 37 mm (van hai lá) và 19, 21, 23, 25, 27, 29, 31 mm (van động mạch chủ) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	27.000.000	80
11	62	Van tim hai lá có khung bảo vệ chốt van cơ học các cỡ	Lá van và lỗ van được thiết kế đặc biệt với độ bền cao và tăng khả năng chống hình thành huyết khối. Độ mở lá van 85 độ gia tăng dòng chảy theo lớp qua van và giảm chuyển động xoáy. Cơ chế xoay van có kiểm soát giúp dễ dàng điều chỉnh vị trí lá van trong quá trình thủ thuật, có khung bảo vệ chốt van. Đáp ứng được cộng hưởng từ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	25.000.000	50
12	63	Van động mạch chủ sinh học thay qua da Evolut R, Evolut Pro kèm hệ thống chuyển van nạp van	Van động mạch chủ sinh học thay qua da - Chất liệu khung van bằng Nitinol, lá van làm bằng màng tim heo. có thể tự giãn, 2 lớp, có đánh dấu cân quang. Van được xử lý với Alpha-amino oleic acid. - Dòng van tim có thêm màng tim heo bên ngoài khung van. - Kích thước van 23, 26, 29, 34 mm. Kích thước hệ thống catheter chuyên van: 14F, 16F, 18 F - Van được cung cấp chung với bộ nạp van và hệ thống catheter chuyên van. Hệ thống van động mạch chủ tự bụng - Tiêu chuẩn: FDA	Cái	600.000.000	5
13	66	Vòng van mềm các cỡ	Được thiết kế để duy trì kích cỡ của lỗ van hai lá/ba lá sau khi sửa. Vòng van tim mềm hỗ trợ chức năng của thất trái và các chức năng của tim cũng như tối ưu hóa huyết động. Thiết kế dễ khâu, dễ thao tác. Thích hợp cho phẫu thuật mở chế xương ức, xâm lấn ít và sử dụng robot phẫu thuật. Đường kính 25, 27, 29, 31, 33, 35 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	13.600.000	20
14	69	Vòng van mềm 2 và 3 lá hình C các cỡ	Được thiết kế để duy trì kích cỡ trong việc điều trị van hai lá và van ba lá nhưng vẫn duy trì sự dịch chuyển sinh lý học. Sự hỗ trợ trước và sau của vòng van cho phép sự chuyển động hình vành khuyên trong suốt quá trình tuần hoàn tim. Thiết kế linh hoạt hỗ trợ cung lượng tim và chức năng của thất trái, huyết động học ưu việt. Vành đai của van lớn giảm mối khâu, vòng van mềm có lõi silicon chấn bức xạ. Phù hợp trong việc phẫu thuật tim hở, phẫu thuật xâm lấn tối thiểu và phẫu thuật sử dụng cánh tay robot Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	13.600.000	20

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
15	74	Khung giá đỡ nhánh chia Bifucation mạch vành phủ Sirolimus - 2 đường kính, 3 nốt cản quang	<p>Khung giá đỡ phân nhánh mạch vành Bioss Lim C, chất liệu Cobalt-Chromium alloy L.065, 2 đường kính, 3 nốt cản Xquang.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phủ thuốc Sirolimus. * Độ dày: hành stent 0.07mm. * Có hệ thống thả stent cài tiến RX (Rapid Exchange) * Đường kính phần thân gần: 2F (0.65mm) * Đường kính phần thân xa: 2.7F (0.90mm) * Chiều dài: 16-19-24mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. <p>Phủ thuốc Sirolimus và Probucol tỷ lệ 50:50 bằng công nghệ phủ Abluminal (không polymer);</p> <p>Hàm lượng 1.2µm/mm².</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc Probucol thay thế chức năng polymer làm chậm quá trình phóng thích Sirolimus. - Stent được thiết kế để đầu nối mới hướng tâm, linh hoạt Điểm vết "The Spot". - Độ dày thành chống stent: Đường kính 2.0 - 3.0mm là 55µm, đường kính 3.5 - 4.0mm là 65µm. <p>Chiều dài: 9 mm - 38 mm; Bề dày lớp phủ 4µm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực định danh 10 atm, Áp lực gây vỡ bóng 18atm (đường kính 4.0mm, 15 atm) - Có nghiên cứu lâm sàng ngẫu nhiên 3.002 bệnh nhân, thời gian theo dõi 5 năm - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 	Cái	48.000.000	5
16	83	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus và Probucol tỷ lệ 50:50	<p>Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu: Chất liệu Hydrophobic bề mặt, kết hợp ngâm nước 25%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kèm 0,01% Chromophore BB hoặc 0,02% Chromophore BB là chất màu vàng, lọc ánh sáng xanh. - Góc chữ C. Góc càng 0 độ. - Đường kính optic: 6.00 mm - 13.0 mm. - Chỉ số khúc xạ: 1.462. - Độ sâu tiền phòng: 4.97. - Độ quang sai cầu: -0,165 µm. - Chỉ số ABBE: 58. - Dãy diopter từ -20.0D đến + 45.0D. - A-Constants: 118.0. - Đường kính vết mờ: 2.0mm- 2.2mm. Có cartridge định kèm Đạt chuẩn ISO 13485, CE 	Cái	39.000.000	350
17	121	Thủy tinh thể mềm một mảnh đơn tiêu: Chất liệu Hydrophobic bề mặt, kết hợp ngâm nước 25%	<p>Chất liệu PEEK</p> <p>Kích thước: chiều cao 5mm/6mm/7mm/8mm và chiều rộng 14mm/15mm/16mm</p> <p>Thiết kế: tương thích với nẹp vít cột sống cổ</p> <p>Tiệt trùng</p> <p>Hỗ trợ trực tiếp Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA</p>	Cái	2.940.000	2560
18	134	Miếng ghép đĩa đệm cổ lồi trước		Cái	10.500.000	32

STT	STT HSMIT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
19	135	Đĩa đệm cột sống cổ nhân tạo có khớp các cơ	<p>Tính năng kỹ thuật</p> <p>- Vật liệu: Titanium, titanium carbide</p> <p>- Tương thích sinh học với cơ thể</p> <p>- Có 4 rãnh để cố định, ngăn chặn bị trượt ra khỏi thân sống</p> <p>- Có bề mặt gắn liền xương (hàn xương) sử dụng công nghệ Plasma</p> <p>- Trung tâm chuyên động phía sau xoay được giúp chuyển động một cách bình thường (có trục quay trước/sau cho phép các chuyển động vật lý)</p> <p>- Chiều cao tổng thể thấp, cho phép ghép đĩa đệm da tăng</p> <p>- Chiều cao: 5,6,7,8mm</p> <p>- Bề rộng: 12, 14, 16, 18mm Đạt tiêu chuẩn FDA ISO 13485</p> <p>1. Ổ cốt: hình cầu bán kính đơn 152° với mài vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cốt, có vòng nhấn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bề chống trượt 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 44-68mm</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (-5.5mm, -2mm, +0mm, +1.5mm ±3.5mm, ±4mm)</p> <p>4. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus có đến 8° là 127 độ, góc cổ thẳng cổ đến là 135 độ. Thân chuỗi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống ún, phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-12, chiều dài: 130 - 172mm. Độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (34- 48mm), cổ dài (41 - 57mm). M/L Width 27.3-39.2mm; A/P Thick 12.8-14.7mm. Cổ 5°42'30" còn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cốt Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 CE FDA</p>	Cái	66.000.000	36
20	148	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on PE có vitamin E	<p>1. Ổ cốt: hình cầu bán kính đơn 152° với mài vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cốt, có vòng nhấn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bề chống trượt 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 44-68mm</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (-5.5mm, -2mm, +0mm, +1.5mm ±3.5mm, ±4mm)</p> <p>4. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus có đến 8° là 127 độ, góc cổ thẳng cổ đến là 135 độ. Thân chuỗi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống ún, phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-12, chiều dài: 130 - 172mm. Độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (34- 48mm), cổ dài (41 - 57mm). M/L Width 27.3-39.2mm; A/P Thick 12.8-14.7mm. Cổ 5°42'30" còn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cốt Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 CE FDA</p>	Bộ	67.000.000	50

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
21	153	Khớp háng toàn phần không xi măng 12/14 chuôi phủ CaP Ceramic On Ceramic	<p>Stem: có taper 8/10 & 12/14, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore μ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 16:138mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>Ó cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 cỡ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3).</p> <p>Liner: Chất liệu bằng Bioloxδ delta Aluminium Oxide matrix ceramic thế hệ mới nhất. Liner 40mm-46mm sử dụng head có đường kính 28mm, Liner 48mm-50mm sử dụng head có đường kính 32mm, Liner 52mm-54mm sử dụng head có đường kính 36mm, Liner 56mm -70mm sử dụng cho head 40mm</p> <p>Head: Chất liệu bằng Bioloxδ delta Aluminium Oxide matrix ceramic. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTANδ F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°</p>	Bộ	85.000.000	10
22	170	Khớp bán phần cổ rôi, chuôi dài không xi măng	<p>1. Đầu lưỡng cực làm bằng Cobalt - Chrome, bao gồm các cỡ từ 36mm đến 65mm với mỗi kích cỡ 1mm.</p> <p>- Lớp lót được làm bằng Polyethylene (UHMWPE) cao phân tử, liên kết ngang, có vòng nhẵn khóa chống trượt.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome có đường kính các cỡ từ ϕ 22, 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, \pm3,5mm, \pm7mm, \pm10mm).</p> <p>3. Thiết kế cổ rôi: góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh độ dài ngắn và góc động từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuôi: 27mm-38,5mm.</p> <p>4. Thân chuôi làm bằng Titanium (Ti6Al4v) phi chất kích thích xương toàn thân. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 176 - 216mm. Độ di lệch cổ chuôi (Offset): 35, 36, 37, 38, 39,40, 41, 42, 43, 44, 45,46, 47, 48, 49mm</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA</p>	Bộ	64.500.000	60

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
23	173	Khớp gối toàn phần bảo tồn xương, độ gấp duỗi 150 độ Vitamin E	<p>Tính năng kỹ thuật</p> <p>Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gấp duỗi tối đa 150°</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ. 1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn (PS) và 5 kiểu mở rộng (PS+) đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N. 2. Mâm chày (Tibial Plate): - Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm. Chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm 3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing): - Thiết kế kiểu PS và PS+, chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau 4. Bánh chè (Patellar Component) - Chất liệu polyethylene gồm 6 kích cỡ 27; 29; 32; 35; 38; 41mm, độ dày 7.5; 8.5; 9; 9.5; 10mm 5. Xi măng: - Đóng gói tiết trùng, kèm dung dịch pha. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 	Bộ	62.000.000	42
24	183	Miếng và tái tạo màng cứng COLLAGEN (loại I và loại III) vừa dán vừa khâu kích thước 2.5x2.5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 2.5x2.5cm - Sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống (Có thể dán hoặc khâu với màng cứng) - Có nguồn gốc từ mô phổi bò, chất liệu là collagen loại I và loại III. - Không cần bảo quản lạnh (2° - 30°C / 35° - 86°F) - Màng lưới collagen bit kim các mối khâu, tránh rò rỉ dịch não tủy. - Các sợi collagen như một ma trận bền vững đan xen tạo nên bề mặt xốp (kích thước lỗ 10-100 micron) - Durepair® cung cấp mạng lưới cấu trúc vi thể mạnh và nhiều lỗ lớn - Chuẩn bị nhanh trong 30-60 giây để làm ướt. - Tương thích với màng cứng của bệnh nhân. - Có thể thao tác cắt chỉnh để dàng cả khi ướt hoặc khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 	Miếng	4.010.000	3

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
25	184	Miếng và tái tạo màng cứng COLLAGEN (loại I và loại III) vừa dán vừa khâu kích thước 2.5x7.5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 2.5x7.5cm - Sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống (Có thể dán hoặc khâu với màng cứng) - Có nguồn gốc từ mô phổi bò. - Không cần bảo quản lạnh (2° - 30°C / 33° - 86°F) - Màng lưới collagen bit kín các mối khâu, tránh rò rỉ dịch não tủy. - Các sợi collagen như một ma trận bền vững đan xen tạo nên bề mặt xốp (kích thước lỗ 10-100 micron) - Durepair® cung cấp mạng lưới cấu trúc vi thể mạnh và nhiều lỗ lớn - Chuẩn bị nhanh trong 30-60 giây để làm ướt. - Tương thích với màng cứng của bệnh nhân. - Chất liệu là collagen loại I và loại III. - Có thể thao tác cắt chỉnh để dàng cả khi ướt hoặc khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 	Miếng	10.150.000	3
26	185	Miếng và tái tạo màng cứng COLLAGEN (loại I và loại III) vừa dán vừa khâu kích thước 5.0x5.0cm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 5.0x5.0cm - Sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống (Có thể dán hoặc khâu với màng cứng) - Có nguồn gốc từ mô phổi bò. - Không cần làm lạnh (2° - 30°C / 35° - 86°F) - Màng lưới collagen bit kín các mối khâu, tránh rò rỉ dịch não tủy CSF. - Các sợi collagen như một ma trận bền vững đan xen tạo nên bề mặt xốp (kích thước lỗ 10-100 micron) - Durepair® cung cấp mạng lưới cấu trúc vi thể mạnh và nhiều lỗ lớn - Chuẩn bị nhanh trong 30-60 giây để làm ướt. - Tương thích với màng cứng của bệnh nhân. - Chất liệu là collagen loại I và loại III. - Có thể thao tác cắt chỉnh để dàng cả khi ướt hoặc khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 	Miếng	10.570.000	3

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
27	186	Miếng và tái tạo màng cứng COLLAGEN (loại I và loại III) vừa dán vừa khâu kích thước 7.5x7.5 cm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 7.5x7.5cm - Sử dụng trong các phẫu thuật thần kinh và cột sống (Có thể dán hoặc khâu với màng cứng) - Có nguồn gốc từ mô phổi bò. - Không cần làm lạnh (2° - 30°C / 35° - 86°F) - Màng lưới collagen bit kín các mối khâu, tránh rò rỉ dịch não tủy CSF. - Các sợi collagen như một ma trận bất vững đàn xen tạo nên bề mặt xốp (kích thước lỗ 10-100 micron) - Durepair® cứng cấp mạng lưới cấu trúc vi thể mạnh và nhiều lỗ lớn - Chuẩn bị nhanh trong 30-60 giây để làm ướt. - Tương thích với màng cứng của bệnh nhân. - Chất liệu là collagen loại I và loại III. - Có thể thao tác cắt chỉnh để dáng cá kh: ướt hoặc khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 	Miếng	22.500.000	3
28	204	Dung dịch bôi trơn giảm ma sát cho mũi khoan bảo màng xơ vữa	Dung dịch dùng trong hệ thống máy bảo màng xơ vữa trong long mạch máu Rotablator. Thành phần: Dầu ô liu, phospholipid, long đơ t-ung, sodium deoxycholate, L-histidine, dinatri EDTA, sodium hydroxide, nước (hoặc tương đương) Tiêu chuẩn FDA, CE	Cái	2.350.000	100
29	209	Ống lấy huyết khối trong long mạch 100% silicon, các số 2F-7F	<ul style="list-style-type: none"> Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyên tắc tắc động mạch 100% silicone, bóng chống sock(không bị phân mảnh)/tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cán quang Kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100. Thể tích 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. Đường kính bóng khí bơm 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm * Tiêu chuẩn ISO, CE, CEG được cấp bởi FDA 	Bộ	1.350.000	200
30	214	Stent lấy huyết khối dạng chuỗi các khung lồng	Được thiết kế dạng các khung lồng lưới kết với nhau nhất quán. Có từ 3 cho đến 5 đoạn khung lồng hình cầu, đường kính từ 3mm đến 6 mm, chiều dài từ 15mm đến 44 mm.	Cái	49.000.000	20
31	218	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu chất liệu vỏ bằng FEP với chiều dài 7-25cm, đường kính 4F-7F	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả: Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay có hemostasis valve chống trào ngược máu, mini guide wire 0.025", 0.035" dài 400mm, 800mm kèm theo (bằng thép không gỉ hoặc polyurethane) loại đầu thẳng, đầu cong như J và ai nước. - Kích cỡ: đường kính 4F, 5F, 6F, 7F, chiều dài 7cm, 10cm, 12cm và 25cm với màu sắc khác nhau tùy kích cỡ. - Chất liệu: lớp vỏ bằng FEP, Dilator bằng Teflon. - Có kèm kim chọc mạch 18x2 1/2 - Tiêu chuẩn kỹ thuật: luôn vào để đăng: không bị chùn đầu. Chống xoắn. Không bị rỉ máu, không gây nhàn rỗi cơ mạch 	Cái	650.000	500

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
32	219	Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại dài 7.5cm, 11cm	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với công năng phía bên/van cầm máu và đỉnh kèm scopeck 3 ngã. Bề mặt của sheath phủ lớp áo nước và đầu tip có đánh dấu cân quang. Dây dẫn dạng cuộn kim loại dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 7.5cm - 11cm, đường kính 5Fr - 10Fr., Tiêu chuẩn FDA	Cái	880.000	200
33	220	Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại, chiều dài 24cm, 35cm, 45cm, 65cm, 80cm, 90cm, 100cm	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với công năng phía bên/van cầm máu và đỉnh kèm scopeck 3 ngã. Bề mặt của sheath phủ lớp áo nước và đầu tip có đánh dấu cân quang. Dây dẫn dạng cuộn kim loại dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 24cm, 35cm, 45cm, 65cm, 80cm, 90cm, 100cm. đường kính 5Fr - 11Fr.. Tiêu chuẩn FDA	Cái	7.200.000	50
34	240	Bộ phôi nhân tạo dành cho trẻ nhỏ và người lớn, có tráng X-Coating. (các cỡ)	Phôi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate, sợi bằng microporous polypropylene, bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới, phin lọc tâm vị polyester kiểu sâu, chất khử bọt polyurethane. Tráng X-coating giúp làm giảm tối đa sự kết dính tiểu cầu nhằm ngăn ngừa đông máu. Diện tích màng trao đổi oxy 0,5m ² ; 1,5m ² và 2,5m ² . Thể tích mỗi máu 45ml, 135ml và 250ml. Thể tích bình chứa máu 1000ml, 3000ml và 4000ml. Thể tích hoạt động tối thiểu 15ml, 70ml và 200ml. Lưu lượng tối đa: 1,5 lít/phút; 4 lít/phút; 5 lít/phút và 7 lít/phút. Tiệt trùng bằng khí EO, Tiêu chuẩn CE	Cái	8.200.000	40
35	244	Bộ bơm bóng mạch vành áp lực cao 30 atm/ 20ml kèm 3 phụ kiện: van cầm máu chữ Y dạng búp, dụng cụ điều khiển dây dẫn can thiệp và kim dẫn. Đồng hồ bơm phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp.	Bộ bơm bóng áp lực cao 20/30 PRIORITY PACK with COPILOT làm bằng chất liệu Polycarbonate, tiệt trùng bằng khí ethylene oxide. Gồm: + Dụng cụ bơm 20/30 ghi áp suất từ VAC đến 30 atm (VAC đến 441 psi/3041 kPa) + Van kiểm soát máu trào ngược COPILOT hình chữ Y có đường kính trong 0.096" (2,44mm) gồm khóa kẹp (cho phép bơm áp suất đến 400 psi) và khóa van kiểm soát máu trào ngược (BEC) + Dụng cụ đặt dây dẫn (Guide wire Introducer) + Dụng cụ xoay (Torque Device) giúp điều khiển hướng dây dẫn Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	1.480.000	200
36	252	Bóng đối xung động mạch chủ kích thước 7Fr - 8Fr - 9Fr, phủ lớp hydrophilic, màng bóng Cardiothane II siêu bền	- Kích thước: 7Fr, 8Fr, 9Fr - Thể tích bóng 30cc, 40cc, 50cc - Đường kính lumen trung tâm 0.027" - Màng bóng Cardiothane II, lớp phủ Hydrophilic. - Guidewire tương thích: 0.025" - Vật liệu: Polyurethane - Chiều dài membrane: 9.1", 10.2", kích thước bơm phòng bóng: 14mm, 15mm, 16mm, Tiêu chuẩn FDA	Bộ	18.500.000	5

STT	STT HSMIT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
37	303	Bóng nong mạch vành có dao cắt	Bóng nong mạch vành có dao cắt với độ cao của dao 0.005". Chiều dài: 6 mm đến 15 mm. Đường kính: 2.0 đến 4.0 mm. + Số lượng lưới dao: 3 đến 4. Có lớp áo phủ ái nước Z-Glide hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	8.820.000	20
38	304	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường chất liệu bóng Pebax	* Bóng nong mạch vành áp lực thường (semi-compliant) phủ hydrophilic, 3 nếp gấp, đường kính 1.5 - 5.0mm, chiều dài 10-40mm, lòng catheter đoạn xa phủ PTFE, thân catheter: dài 1450mm, kích thước đầu vào (entry profile) 0.017". NP: 7 atm(1.5mm), 8atm(2.0-4.0mm). RBP: 15atm(1.5mm), 16atm(2-3.5mm), 14atm(3.75-4.00) Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE	Cái	6.297.900	200
39	305	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao chất liệu bóng Nylon	* Bóng nong mạch vành áp lực cao (non-compliant) phủ hydrophilic, 3 nếp gấp, đường kính 2.0 - 5.0mm, chiều dài 8-20mm, lòng catheter đoạn xa phủ PTFE, thân catheter dài 1450mm, kích thước đầu vào 0.017". NP: 14atm. RBP: 20atm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE	Cái	6.930.000	150
40	336	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh (Amplatzer Guidewire (Amplatzer Guidewires))	- Dây dẫn đường can thiệp Tim Bẩm Sinh - Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài. - Đường kính đầu tip: 7.5mm J- Tip, 1.5mm J- Tip, 6mm J - Tip. - Đường kính dây dẫn: 0.035 inch - Chiều dài: 260cm, 300cm Tiêu chuẩn: ISO_CE	Cái	1.350.000	100
41	342	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol, thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của Vách Liên Nhĩ. - Đĩa được đệm thêm những mảng: kết cấu polyester giúp quá trình nội mạc hóa lên từ bên trong. - Kích cỡ đa dạng: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,22,24,26,28,30,32,34,36,38,40 mm Tiêu chuẩn CE	Cái	46.200.000	50
42	343	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol, thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của Ống Động Mạch. - Đĩa được đệm thêm những mảng kết cấu polyester giúp quá trình nội mạc hóa lên từ bên trong. - Kích cỡ đa dạng (A/B): 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14 mm Tiêu chuẩn CE	Cái	23.100.000	50
43	344	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol, thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của Ống Động Mạch. - Kích cỡ đa dạng (A/C): 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6 mm Tiêu chuẩn CE	Cái	23.100.001	50

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
44	359	Lưới lọc động mạch cảnh	<p>Dây dẫn có lưới lọc dùng trong can thiệp động mạch cảnh:</p> <p>Đầu dây dẫn dạng xoắn, cuộn linh hoạt có cán quang. Lưới lọc có độ cán quang cao giúp ổn định hình dạng và cho hình ảnh rõ nét. Phù hợp cho các mạch máu có đường kính từ 3.5-5.5mm.</p> <p>Nguyên liệu trực: Thép không gỉ, lớp phủ: PTFE, nguyên liệu lưới lọc: Polyurethane, mép là Nitinol nhớ hình, đường kính: 0.014", chiều dài: 190cm, 300cm, kích thước lỗ lưới: 110 micron, Crossing profile: 3.2F. Loại đầu tip: thẳng. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu Woven Bioflexibility tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim • Lõi dây được làm từ thép không gỉ • Thiết kế bóng hỗ trợ đặt dây để dàng không cần X-quang. • Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực • Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-CE • Tạo nhịp tim, 2 buồng • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin 85 chu kỳ/phút • Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram • SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T • Đáp ứng nhịp • Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. • Biểu đồ Trend của điện trở cấy dẫn. • Quản lý ngắt bằng tính năng: Rate drop response. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất : AOM và VCM • Có tính năng Reduced VP+ làm giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. • PMOP, CAFR, APP nhằm giảm gánh nặng rung nhĩ, và ổn định nhịp thất cho bệnh nhân • Tuổi thọ pin trung bình 11.4 năm Tiêu chuẩn FDA 	Cái	29.400.000	10
45	360	Dây điện cực có bóng dùng cho Máy tạo nhịp tạm thời, 5F, chất liệu Woven Bioflexibility tương thích sinh học.	<ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu Woven Bioflexibility tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim • Lõi dây được làm từ thép không gỉ • Thiết kế bóng hỗ trợ đặt dây để dàng không cần X-quang. • Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực • Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-CE • Tạo nhịp tim, 2 buồng • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin 85 chu kỳ/phút • Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram • SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T • Đáp ứng nhịp • Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. • Biểu đồ Trend của điện trở cấy dẫn. • Quản lý ngắt bằng tính năng: Rate drop response. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất : AOM và VCM • Có tính năng Reduced VP+ làm giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. • PMOP, CAFR, APP nhằm giảm gánh nặng rung nhĩ, và ổn định nhịp thất cho bệnh nhân • Tuổi thọ pin trung bình 11.4 năm Tiêu chuẩn FDA 	Dây	4.998.000	50
46	382	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng cho phép chụp MRI toàn thân, có đáp ứng và tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF. Vỏ bọc dây điện cực bằng Polyurethane 55D.	<ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu Woven Bioflexibility tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim • Lõi dây được làm từ thép không gỉ • Thiết kế bóng hỗ trợ đặt dây để dàng không cần X-quang. • Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực • Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-CE • Tạo nhịp tim, 2 buồng • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin 85 chu kỳ/phút • Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram • SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T • Đáp ứng nhịp • Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. • Biểu đồ Trend của điện trở cấy dẫn. • Quản lý ngắt bằng tính năng: Rate drop response. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất : AOM và VCM • Có tính năng Reduced VP+ làm giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. • PMOP, CAFR, APP nhằm giảm gánh nặng rung nhĩ, và ổn định nhịp thất cho bệnh nhân • Tuổi thọ pin trung bình 11.4 năm Tiêu chuẩn FDA 	Bộ	88.500.000	5
47	446	Vít xương xỏ đường kính 6.5 mm, chất liệu titanium	Đường kính mũ vít 8mm, đầu rùi bắt tước nở vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 3mm, đường kính thân có ren 6.5mm, chiều dài đoạn ren từ 22 đến 32mm, chiều dài vít từ 32 Tiêu chuẩn CE	Cái	230.000	712
48	447	Vít xương xỏ 4.0 mm, thân một phần ren và toàn ren, chất liệu titanium.	Đường kính mũ vít 6mm, đầu rùi bắt tước nở vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 4.0mm, chiều dài đoạn vít có ren từ 7 đến 15mm, chiều dài vít từ 14 đến 70mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	160.000	712

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
49	448	Vít cột sống đa trục Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V	Tính năng kỹ thuật Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3. Mũ vít: thiết kế dạng hình vuông thon gọn có 3 rãnh Thân vít: Đường kính từ 4,0 đến 8,0mm, chiều dài từ 25 đến 80mm. Tương thích với thanh dọc đàn hồi 5.0 mm, và thanh dọc cứng 5.5mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	Cái	3.700.000	800
50	449	Vít rỗng ruột bơm xi măng Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V	Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3. hoặc tương đương Mũ vít: thiết kế dạng hình vuông thon gọn, có 3 rãnh giúp bắt vít đồng trục vững chắc, đường kính 12.5mm, độ cao 16mm Thân vít: Đường kính từ 4,5 đến 8,0 mm, chiều dài từ 30 đến 80 mm. Có 4 lỗ phân bố đều xung quanh trục để bơm xi măng vào thân sống an toàn. Thiết kế 2 bước ren, răng vò xương ở đầu gần và răng xương xóp ở đầu xa. Có lỗ đầu vít tương thích với kim bơm xi măng Tương thích với thanh dọc đàn hồi 5.0mm, và thanh dọc cứng 5.5mm. Hỗ trợ trợ cụ. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	6.500.000	1600
51	450	Ốc khóa trong Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V	Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3 hoặc tương đương Kích thước: Độ cao ốc 5mm. Bước ren xoắn ốc kiểu M9, M10 Thiết kế: Ốc khóa trong tương thích với vít dùng cho thanh dọc cứng và hệ thống thanh dọc đàn hồi. Tương thích với mũ vít thiết kế dạng hình vuông thon gọn có 3 rãnh Hỗ trợ trợ cụ. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	500.000	2400
52	453	Thanh nối dọc đàn hồi	Chất liệu PEEK bên ngoài và lõi hợp kim Titanium xoắn ốc dạng cáp bên trong. Đường kính 5.0mm, dài từ 40mm đến 80mm. Thiết kế: Thanh dọc đàn hồi được thiết kế nhằm duy trì trạng thái cử động tự nhiên. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Hỗ trợ trợ cụ. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	9.500.000	16
53	454	Thanh dọc dùng kết hợp thanh nối dọc đàn hồi(5.5 x 45-80)mm	Chất liệu: Hợp chất Titanium Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3 hoặc tương đương Đường kính 5.5mm, Chiều dài từ: 45mm - 80mm. Thiết kế: Một đầu có hai rãnh dọc kết nối tương thích với thanh dọc đàn hồi. Có lỗ bên trên để bắt vít ốc khóa có chốt. Thanh dọc có hai dạng thẳng và uốn cong sẵn. Hỗ trợ trợ cụ. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	12.200.000	16
54	455	Ốc khóa thanh dọc đàn hồi	Chất liệu: Hợp chất Titanium Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3 hoặc tương đương Kích thước: Độ cao ốc 5mm. Bước ren xoắn ốc kiểu M9. Thiết kế: Có chốt khóa kín hình trụ tương thích với núm khóa thanh dọc đàn hồi và thanh dọc dùng kết hợp thanh nối dọc đàn hồi Hỗ trợ trợ cụ. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cái	850.000	64

STT	STT HSMIT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
55	456	Nối khóa thanh dọc đàn hồi	<p>Chất liệu: Hợp chất Titanium Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3 hoặc tương đương</p> <p>Đường kính: 5.5 dài 15mm.</p> <p>Thiết kế: Có hai rãnh dọc kết nối tương thích với thanh dọc đàn hồi, và lỗ bên trên để bắt vít ốc khoá có chốt.</p> <p>Hỗ trợ từ cơ Tiêu chuẩn ISO 13485. FDA</p>	Cái	2.100.000	64
56	457	Thanh nối ngang Chất liệu: Hợp chất Ti6Al4V	<p>Chất liệu: Hợp chất Titanium Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ASTM F136, ISO 5832-3 hoặc tương đương</p> <p>Kích thước: đường kính 5.5mm, dài 70mm</p> <p>Thiết kế: Bao gồm: nẹp giữ thanh nối ngang tương thích thanh dọc 5.5mm kèm theo 02 ốc khóa trong để xiết chặt, Xoay được đa chiều</p> <p>Hỗ trợ từ cơ Tiêu chuẩn ISO 13485. FDA</p>	Cái	4.100.000	16
57	460	Nẹp, vít cột sống cổ	<p>Chất liệu: nẹp làm bằng PEEK, vít làm bằng Titanium</p> <p>Kích thước: Nẹp cổ (H) 30mm, (W) 8mm; Vít cổ định dài (L) 8.35mm; Vít cổ dài (L) 14mm</p> <p>Thiết kế: Nẹp vít đàn hồi cột sống cổ bao gồm 1 Nẹp cổ, 1 Vít cổ định, 2 Vít cổ dài. Tương thích với miếng ghép đĩa đệm cổ lõi trước. Tiết: trung. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p> <p>Hỗ trợ từ cơ Tiêu chuẩn FDA</p>	Cái	14.000.000	32
58	468	Nẹp khóa căng tay 5-12 lỗ, titan	<p>Chất liệu: titanium alloy</p> <p>Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro</p> <p>Thân rộng 10mm, dày 3mm, các lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng chiều dài 69/82/95/108/121/134/147/160mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <p>Tiết trung từ nhà sản xuất</p>	Cái	5.200.000	112
59	469	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<p>Chất liệu: titanium alloy</p> <p>Vít xương cứng 3.5mm dài 10-50mm</p> <p>Tự taro, bước tăng 2mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	190.000	1460
60	470	Vít khoá 3.5mm, titan	<p>Chất liệu: titanium alloy</p> <p>Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	520.000	300
61	471	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày	<p>Điều chỉnh được kích thước của vòng treo mảnh ghép. Được thiết kế sử dụng cho cố định mảnh ghép trên xương chày. Vít treo gồm 2 thành phần: - Thanh treo: Vật liệu Titanium, có 2 kích cỡ 14mm. Thiết kế rãnh chèn mở, dễ dàng lắp vòng treo mảnh ghép. - Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chi siêu bền Hi-Fi số 5 màu trắng/xanh, chịu được lực căng 958N, độ dẫn 1.8mm. Có khóa ma sát kép đảm bảo cố định chắc chắn. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. CE</p>	Cái	16.000.000	76

STT	STT HSMIT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
62	472	Bộ đỉnh nội tủy xương chày rỗng nòng đa hướng đường kính 8.5, 9, 10, 11mm, titan	- Chất liệu titanium. - Bộ đỉnh nội tủy rỗng nòng gồm : 1 đỉnh + 5 vít chốt ngang đường kính 5.0mm. - Đường kính thân 8.4/9/10/11mm cho xương chày, đầu đỉnh đường kính 12mm, nghiêng góc 10 độ dài 47mm. - Sử dụng vít chốt đường kính 4.5mm, dài 25mm-65mm, vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm. - Dùng khung định vị 3 chiều. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE. - Chất liệu titanium.	Bộ	8.000.000	100
63	473	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi rỗng nòng đa hướng, đường kính 9.5, 10, 11mm, titan (dùng cho gãy vùng liên mấu chuyển)	- Bộ đỉnh nội tủy rỗng nòng xương đùi gồm : 1 đỉnh + 2 vít chốt cổ rỗng nòng đường kính 7.0mm + 2 vít chốt ngang đường kính 5.0mm. - Đường kính thân 9.4/10/11mm, dài 320mm-420mm, đầu đỉnh đường kính 13.5mm, hướng vít 135 độ, sử dụng vít chốt đường kính 7.0mm, dài 65mm-110mm, bước ren tăng 5mm. - Thân sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm, bước ren tăng 5mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Bộ	8.000.000	120
64	478	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi rỗng nòng đa hướng, đường kính 9.5, 10, 11mm, titan (dùng cho gãy vùng liên mấu chuyển)	- Chất liệu titan. Gồm: + 1 Đỉnh chốt xương đùi đa tầng Expert, trái/ phải, Ø9/ 10/ 11/ 12/ 13mm, dài 300-440mm bước tăng 20mm + 1 Vít nẹp đỉnh chốt + 2 Vít chốt ngang đỉnh chốt Ø4.8mm, dài 26-64mm, bước tăng 2mm + 2 Vít chốt cổ xương đùi Ø6.5mm, dài 60-130mm, bước tăng 5mm, tự tạo ren Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Bộ	15.000.000	10
65	481	Nẹp khóa DHS 3-12 lỗ, titan	- Chất liệu titanium - Bộ nẹp khóa DHS gồm: 1 nẹp khóa + 1 vít DHS đường kính 12.5mm, dài 50-110mm + 3 vít khóa đường kính 5.0mm, dài 10-90mm + 2 vít xương cứng đường kính 4.5mm, dài 18-100mm. - Nẹp có hướng vít cổ góc 135 độ, sử dụng vít DHS đường kính 12.5mm, thân có 3/4/6/8/10/12 lỗ, tương thích chiều dài 77/94/128/162/196/230mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm và vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Tiêu chuẩn FDA/ ISO/ CE	Cái	8.400.000	42
66	482	Vít xương cứng 4.5mm, chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium - Đường kính 4.5mm tương ứng chiều dài từ 18 - 100mm, từ 18-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước ren tăng 5mm, bước ren 1.75mm, tự tạo - Tiêu chuẩn FDA, ISO/ CE	Cái	250.000	104

STT	STT HSMT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng KH
67	534	Nẹp mắt xích 5-13 lỗ, titan	Nẹp mắt xích 5-13 lỗ, titan + Chất liệu: Titanium - Lỗ có ren khóa dùng với vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm. - Rộng 10mm, Dày 3mm - Thân nẹp có từ 5-12 lỗ tương ứng với chiều dài 60/72/84/96/108/120/132/144mm - Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA	Cái	11.000.000	32
68	535	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro, titan	* Chất liệu Titanium. * Tương thích với hệ thống nẹp khóa * Đường kính từ 3.5mm, đầu vít hình lục giác, tự taro. * Chiều dài: 10-90 mm + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Cái	890.000	56
69	540	Nẹp khóa bán nhỏ các cỡ	Nẹp rộng 14mm; dày 5 (±0.1)mm; Số lỗ: 4 đến 20 lỗ, dài 73 mm đến 364mm. chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3:2016; ASTM F136-13 dùng kết hợp với tương đồng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	4.500.000	29
70	541	Vít khóa 3.5mm các cỡ	Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 5.0mm, bước ren 1.0mm, đường kính lõi vít 2.8mm, chiều dài vít từ 14mm đến 60mm. Chất liệu hợp kim Titanium ISO 13485, CE	Cái	500.000	56
71	542	Nẹp khóa bán rộng các cỡ	Nẹp dày 6.0mm, rộng 17.5mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm, từ 6 lỗ đến 20 lỗ tương ứng chiều dài từ 116mm đến 368mm. Chất liệu: hợp kim Titanium Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	5.500.000	21
72	543	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ	Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. Chiều dài từ 20mm đến 90mm. Cổ mũ vít có ren. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	500.000	206
73	548	Nẹp khóa bán hẹp	Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm. Nẹp dày 4.5mm, rộng 14,5mm, có từ 4 đến 24 lỗ, dài từ 83mm đến 443mm. Lỗ bắt vít hình oval đối xứng nhau qua điểm giữa thân nẹp. Mặt dưới thân nẹp được tạo hình những khoảng lõm đối xứng nhau. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ	Cái	6.000.000	117
74	549	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ cho Nẹp khóa bán hẹp	-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm.	Cái	500.000	920
75	560	Nẹp khóa titanium bán nhỏ các cỡ	- Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Nẹp khóa titanium bán hẹp các cỡ. Nẹp sử dụng vít khóa titanium đk 4.5 và 5.0mm, dày 4.5mm, rộng 14.5mm, có 4-24 lỗ, dài 83-443mm. Lỗ bắt vít hình oval đối xứng nhau qua điểm giữa thân nẹp. Mặt dưới thân nẹp được tạo hình những khoảng lõm đối xứng nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	4.500.000	5
76	561	Nẹp khóa titanium xương đòn, móc xương đòn	Nẹp khóa Titanium xương đòn, móc xương đòn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	6.500.000	21

STT	STT HSM/T	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật:	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
77	562	Vít khóa titanium 3.5mm các cỡ	đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 5.0mm, bước ren 1.0mm, đường kính lõi vít 2.8mm, dài từ 14mm đến 60mm. Chất liệu hợp kim titanium Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	500.000	32
78	621	Dây nước dùng cho nội soi khớp gối	Dây nước dùng nội soi khớp Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. Để kiểm soát áp xuất, ống đo áp xuất sẽ được kết nối với máy bơm, được khử trùng bằng khí VH2O2-Gas - Plasma. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	1.600.000	330
79	622	Chi siêu bền không tiêu cho nội soi khớp gối	Chi siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Tép	1.900.000	200
80	623	Đầu đốt lưỡng cực cho nội soi khớp gối	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có từ bám có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưỡi đốt) dùng một lần. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 35cm, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90° và cong 45°, chiều dài 150mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	6.850.000	182
81	624	Lưỡi bảo bằng sóng Radio cho nội soi khớp gối	Lưỡi bảo khớp sử dụng công nghệ cửa số 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. Có chiều dài 130mm, các đường kính: là 3mm, 4mm và 5mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	4.950.000	124
82	625	Mũi khoan đường hầm cho nội soi khớp gối	Chất liệu: Thép không gỉ. Thiết kế: Mũi khoan FlipCutter là loại khoan và chốt dẫn đường cho phép xâm lấn hóc xương tối thiểu từ trong ra ngoài. FlipCutter giúp tự do định vị ổ cắm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	4.500.000	110
83	626	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân cho nội soi khớp gối	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vân giúp cài thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Thiết kế khóa 3 điểm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 60mm. Lực kéo đạt lên tới 900N. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	15.000.000	124
84	627	Vít chốt treo giữ mảnh ghép gân vật liệu tita, đường kính 4.5mm các cỡ cho nội soi khớp gối	Vít chốt neo có định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan (ISO 5832-3), 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene (xanh lá cây và trắng) nút có 4 lỗ, bo tròn 2 đầu, rộng 4.0mm, dài 12mm, độ dày 1.5mm dây trục 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Sản phẩm được cung cấp trong một gói vô dôi và tiệt trùng Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	8.800.000	100
85	628	Nút neo có định dây chằng chéo tái tạo dây chằng chéo (trước-sau)	* Vít có định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu PLA 100% hoặc chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β -TCP), đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 24mm, 30mm, 35 mm, thiết kế dạng vít và đầu dạng tròn. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái	4.500.000	116

STT	STT HSMIT	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
86	629	Dây nước dùng trong nội soi khớp cho tái tạo dây chằng chéo (trước-sau)	<p>Tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. - Để kiểm soát áp xuất, ống đo áp xuất sẽ được kết nối với máy bơm. - Được khử trùng bằng khí VH2O2-Gas - Plasma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 	Cái	1.600.000	100
87	630	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi cho tái tạo dây chằng chéo (trước-sau)	<ul style="list-style-type: none"> * Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít titan và titanium và vòng dây sọc vân giúp cài thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Thiết kế khóa 3 điểm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 60mm. Lực kéo đạt lên tới 900N. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 	Cái	15.000.000	116
88	640	Vít khóa rỗng nòng bán phần 4.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính 4.0mm - Đường kính lõi trong 1.1mm - Dùng đinh K wire đường kính 1.0mm - Dùng mũi khoan rỗng 3.0/3.5mm - Chiều dài ren 16/32mm - chiều dài vít ≤ 88mm - Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương 	Cái	1.850.000	32
89	643	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. - Chiều dài từ 20mm đến 90mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. 	Cái	500.000	1120
90	644	Nẹp khóa chữ T nhỏ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp khóa chữ T nhỏ dùng vít khóa 3.5mm, dây 2.8mm, chiều dài đầu chữ T 33mm, có 3 lỗ bắt vít đầu chữ T, thân nẹp có từ 3 đến 10 lỗ, chiều dài nẹp từ 54 đến 124mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. 	Cái	6.000.000	64
91	646	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp khóa đầu trên xương đùi uốn cong ở đầu gần, đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít khóa đường kính 7.5mm, cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít khóa đường kính 5.0mm hoặc 6.5mm, còn lại thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm, dài từ 139mm đến 391 mm, thân nẹp rộng 18mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. 	Cái	7.500.000	80
92	647	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. - Chiều dài từ 20mm đến 90mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. 	Cái	500.000	640
93	648	Vít khóa đường kính 6.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	Cái	600.000	200

STT	STT HSM/T	Tên sản phẩm	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng KH
94	649	Vít khóa đường kính 7.5mm	-Là vít khóa rỗng rỗng đường kính 2.2mm. -Đường kính mũ vít 9.5mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên mũ vít là 4mm, đường kính thân vít 7.5mm, đường kính rỗng rỗng vít là 2.2mm, chiều dài từ 3.5mm đến 145mm. -Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ -Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm. -Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Vít khóa dk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	800.000	160
95	651	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ	-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm. -Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Vít khóa dk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	500.000	800
96	652	Vít khóa đường kính 6.5mm	-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm. -Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Vít khóa dk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	600.000	560
97	654	Vít khóa 4,5; 5.0mm các cỡ	-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm. -Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Vít khóa dk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	500.000	800
98	655	Vít khóa đường kính 6.5mm	-Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. -Chiều dài từ 20mm đến 90mm. -Tiêu chuẩn ISO. CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Vít khóa dk 6.5mm: Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	600.000	432

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH VẬT TƯ Y TẾ HUỖ THẦU

Gói số 02: Mua sắm tập trung vật tư y tế thông thường cho các cơ sở y tế trong tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025
(Đính kèm Quyết định số 1593/QĐ-SYT ngày 17/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
1	34	Băng keo vải 2.5 cm x 5m Vải lụa Taffeta trắng	Băng có nền bằng lụa Taffeta được sản xuất từ sợi cellulose acetate, được phủ keo oxyde kẽm ít dị ứng, có lõi nhựa liền 2 cánh, độ dính 7,7 N/2.5 cm. Nguyên liệu có nguồn gốc từ các nước G7. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cuộn	18.900	165.000
2	39	Băng keo lụa: 2.5cm x 5m	Băng keo lụa phẫu thuật để cố định và bảo vệ các thiết bị y tế, Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, định lượng 63-69g/m ² , mật độ sợi ngang 159-173 dtex, mật độ sợi dọc 80-88 dtex nhẹ nhàng và mềm mại, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic trọng lượng 60g poly acrylic/m ² , độ dính 540g/12mm ± 30g, không chứa latex và không sợi keo trên da khi tháo băng. Cờ răng cưa để xé ngang dọc. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA (hoặc tương đương)	Cuộn	8.925	29.490
3	42	Băng keo cá nhân vải 72mm x 19mm	Băng cá nhân từ 18 - 19mm x 72mm, với Sợi vải đàn hồi, viscose 70%, polyamide 30%, độ bền kéo 14.5kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic 140mg không chứa latex, độ dính 520g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Gạc 13mm x 23mm thấm hút tốt, mềm, có lớp màng P.E (polyethylene) không dính vào vết thương. Tẩm benzalkonium chloride có hiệu quả khử trùng và diệt khuẩn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Miếng	400	296.256
4	44	Băng ròn tiết trung	Băng ròn trẻ sơ sinh kích thước 5cm x 6cm x 8 lớp và được tiệt trùng bằng khí E.O Vòng băng thun được làm từ sợi nguyên chất mềm, mịn. Tiêu chuẩn ISO 13485	Gói/ Miếng/ Cái	2.927	4.800
5	45	Băng ròn tiết trung	Làm sợi Polyester, bao gồm vòng băng và gạc, đều được tiệt trùng đúng theo tiêu chuẩn của các sản phẩm dùng trong y tế. Sản phẩm được đảm bảo vô trùng bằng việc đóng gói trong túi nilon hàn kín. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Gói/ Miếng/ Cái	2.765	1.100
6	55	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Sợi polyester nên không đàn dặt, không thoáng khí, co giãn, phủ keo acrylic, lực dính 1,1-4,3 N/cm, thấm hơi nước ≥ 500 g/m ² /24h. Có kèm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	84.000	500
7	59	Gòn cắt amidal	Gòn cắt amydal vô trùng; Gòn se chất, viên tròn đường kính 3cm; Được làm từ bông xơ tự nhiên 100% Cotton; Không có chất tẩy trắng; Khả năng giữ nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥ 100g nước; Tốc độ chìm ≤ 8s; Chất tan trong nước: không quá 0,5%; Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; Được tiệt trùng bằng khí EO; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Gói	1.680	2.076

Đơn vị tính: VND.

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
8	60	Gòn cắt amidal	Gòn cắt amidal vô trùng; Gòn se chặt, viên tròn đường kính 3cm. Được làm từ bông xơ tự nhiên 100% Cotton; Không có chất tẩy trắng; Khả năng giữ nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥100g nước; Tốc độ chìm ≤ 8s; Chất tan trong nước: không quá 0,5%; Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; Được tiệt trùng bằng khí EO; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bọc/Gói	1.680	3.044
9	71	Gạc Vaseline	Gạc hút nước và vasiline thuộc dược dụng tẩm từng lớp gạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	1.800	46.564
10	79	Băng dán vô khuẩn 10cm x 10cm	Băng gạc tiệt trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, không chứa latex, tiệt trùng bằng Ethylene oxide. Diện tích gạc 10cm x 10cm, diện tích nền bằng 5cm x 5cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 TUV hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE	Miếng	5.900	5.300
11	82	Băng dán vô khuẩn 55cm x 75cm	Nền bằng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m ² , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh tung mép. Gạc 3cm x 4cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 58Cg/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Miếng	2.200	40.000
12	83	Băng dính vô trùng: 10cm x 25cm	Nền bằng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m ² , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh tung mép. Gạc 5cm x 20cm, rayon 30%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 58Cg/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương	Miếng	8.400	4.500
13	84	Băng dính vô trùng: 10cm x 25cm	Băng gạc tiệt trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, không chứa latex, tiệt trùng bằng Ethylene oxide. Diện tích gạc 25cm x 10cm, diện tích nền bằng 5cm x 20cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 TUV hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE	Miếng	11.800	33.000
14	85	Băng dính vô trùng: 10cm x 25cm	Kích thước 25cmx10cm, được làm bằng vải không dệt mềm mại, co giãn, được phủ bằng chất kết dính không gây dị ứng polyacrylate, có miếng gạc thấm hút ở giữa, tiệt trùng bằng ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc tương đương	Miếng	6.300	3.000
15	86	Băng dính vô trùng: 10cm x 15cm	Kích thước 15cmx10cm, được làm bằng vải không dệt mềm mại, co giãn, được phủ bằng chất kết dính không gây dị ứng polyacrylate, có miếng gạc thấm hút ở giữa, tiệt trùng bằng ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc tương đương	Miếng	4.830	800

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
16	88	Băng keo có gác võ trùng 6cm x 7cm	Kích thước: 6cm x 7cm Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m ² , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gác 3cm x 4cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phù keo Acrylic độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Miếng	2.100	45.000
17	98	Gác, băng gác điều trị các vết thương 28cm x 15cm	Gác, băng gác điều trị các vết thương 28cm x 15cm Băng là màng Polyurethane trong suốt, bán thấm, không cho nước và vi khuẩn đi qua, băng cho phép trao đổi hơi nước và không khí, Băng có định phẫu: tròng. Kích thước 28cm x 15cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Miếng	31.584	500
18	103	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate ống 0,5ml	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống 0,5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	173.913	120
19	108	Miếng cầm máu 7x5x1 cm	Miếng cầm máu băng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 7x5x1cm. Độ phồng sau khi thấm hút băng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Miếng	142.363	2.550
20	112	Miếng xốp cầm máu tự tiêu băng gelatin, dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 7x5x1cm	Miếng cầm máu băng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 7x5x1cm. Độ phồng sau khi thấm hút băng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Miếng	142.359	420
21	114	Sáp cầm máu xuong 2.5 gram	Sáp cầm máu xuong 2.5g (sáp ong trắng + Vaseline). Đóng gói tiết trùng từng cái bằng tia gamma. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái/Miếng	25.200	800
22	115	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu, có tính kháng khuẩn, băng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 5.1 x 10.2cm	Vật liệu cầm máu dạng bông ép sợi dài tự tiêu, băng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, kích thước 5,1 x 10,2cm, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2-4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiêu cầu, bọc được tạng và giữ được chi khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Miếng	779.688	240
23	119	Bộ dụng cụ xịt cầm máu cầm máu khẩn cấp	Bộ đầy đủ bao gồm: 1 tay xịt tích hợp 1 bình khí nén CO2 và 1 bình bột khoáng + 2 Catheter. Đường kính Catheter: 7Fr và 10Fr. Chiều dài Catheter: 220 cm. Đường kính kênh ống soi tối thiểu: 2.8mm (catheter: 7Fr), 3.7mm (catheter 10Fr) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	27.985.000	10

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tình năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
24	149	Kim lấy máu test đường huyết	- Độ dài 32mm, Độ dài kim nhựa 29,2mm, phần hở đầu kim 3,2mm. Bề rộng kim nhựa 6,4mm - Dùng cho các loại bút lấy máu cho máy đo đường huyết thông dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	650	887.800
25	162	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên, có cánh, có cửa, các loại các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên các cỡ 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, để lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có công bơm thuốc bố xung, nắp đẩy bật dễ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim 96 giờ. - 14G; Ø (2,1 x 45) mm; Flow/ Rate 270ml/ min. - 16G; Ø (1,8 x 45) mm; Flow/ Rate 200ml/ min. - 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. - 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. - 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. - 26G; Ø (0,6 x 19) mm; Flow/ Rate 10ml/ min. - ISO 13485:2016; EN ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương	Cái	4.000	353.000
26	163	Kim luồn các cỡ có cánh có công tiêm thuốc	- Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa bơm thuốc - Kích thước 18G, - Kích thước 20G, - Kích thước 22G, - Kích thước 24G, - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén - Ống thông làm từ chất liệu PTFE có tính đàn hồi, chống xoắn - gập, đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim, đường kính trong ống thông 0.9mm, đường kính ngoài ống thông 1.3mm, chiều dài ống thông 45mm, tốc độ dòng chảy 90ml/phút - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt - Khử trùng bằng khí Ethylene Oxide - Thời gian lưu kim tối đa 10 ngày	Cái	2.709	400.000
27	165	Kim chích hậu cầu 26Gx1 1/2	Kim chích hậu cầu 26Gx1 1/2. ISO 13485 hoặc tương đương	Cây	305	15.048

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tình năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
28	188	Khóa 3 ngã có dây nối 30cm	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã kèm dây nối 30cm - Chất liệu Polycarbonate và Acrylonitrilic Butadiene Styrene; dây chất liệu Polyvinyl Chloride (PVC mềm không có DEHP); - Tốc độ dòng chảy 500 ml/min ± 10%; - Thiết bị có thể được kết nối với các loại kim luân, dây truyền dịch, dây truyền máu và tất cả các sản phẩm tuân thủ tiêu chuẩn 6% đầu nối EN 20594-1; - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, ISO13485 hoặc tương đương 	Cái	6.000	282.080
29	197	Dây truyền máu	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói riêng lẻ từng đơn vị sản phẩm, tiệt trùng. Không chứa các chất gây ảnh hưởng tới thân kinh, hô hấp hoặc tác động đến hàm lượng hormone tuyến giáp như DEHP, Phthalates, PCV và chứa cao su Latex. Có màn ngăn vi khuẩn. Đóng gói từng sợi riêng lẻ, một mặt dùng chất liệu CPP và chứa cao su Latex. Đảm bảo độ vô trùng, để bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO. Đường kính trong dây chuyên dịch: Ø3.2mm. Đường kính ngoài dây chuyên dịch: Ø4.2mm. Đóng gói riêng lẻ từng đơn vị sản phẩm, tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Bộ	5.082	900
30	225	Túi ép phòng 350mm x 60mm x 100m, có chỉ thị: hóa học	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước (steam), Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde. - Một mặt được làm bằng giấy y tế, một mặt được làm từ vật liệu PET/PP - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu chứng tỏ đạt đối với hấp bằng hơi nước và đối với hấp bằng EO. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương 	Cuộn	1.536.000	798
31	227	Túi ép phòng tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 30cm x 8cm x 100m	<ul style="list-style-type: none"> Túi ép phòng có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 30cm x 8cm x 100m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m², và mặt phim laminated 55g/m² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương 	Cuộn	1.260.000	624
32	229	Túi ép phòng tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 35cm x 8cm x 100m	<ul style="list-style-type: none"> Túi ép phòng có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước từ 35 - 40cm x 8cm x 100m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m², và mặt phim laminated 55g/m² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương 	Cuộn	1.536.000	600

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
33	231	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 10cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 10cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	864.000	360
34	232	Túi ép Tyvek dùng trong nhiệt độ thấp Plasma 100mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	Cuộn giấy dùng dụng cụ tiệt khuẩn dùng cho máy nhiệt độ thấp Plasma, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn (lên đến 12 tháng): - Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thấm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. - Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong. H2O2 không thấm thấu vào bằng mặt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy nhiệt độ thấp Plasma - Rộng: 100 mm, dài: 70 m. - Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFG do FDA cấp hoặc tương đương	Cuộn	1.080.000	53
35	233	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 15cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 15cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated: 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	624.000	288
36	234	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 20cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 20cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	864.000	752
37	235	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 25cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 25cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.068.000	688

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
38	236	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 30cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 30cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.254.000	380
39	237	Túi ép tiệt trùng hơi nước & EO loại Dual ECO 2 lớp Polyester & Polypropylen 35cm x 200m	Túi ép dẹp có 1 mặt giấy và 1 mặt nylon (2 lớp Polyester và Polypropylen) có độ bền cao. Kích thước 35cm x 200m Chất liệu: Mặt giấy y tế cao cấp có trọng lượng 60g/m ² , và mặt phim laminated 55g/m ² Thành phần: Giấy y tế: 52%, Laminated film: 48% (hoặc tương đương). Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.500.000	200
40	238	Túi ép Tyvek dùng trong nhiệt độ thấp Plasma 100mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m ² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu đa màng PET/PE 12/50μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.484.333	180
41	240	Túi ép Tyvek dùng trong nhiệt độ thấp Plasma 150mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m ² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu đa màng PET/PE 12/50μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.734.000	150

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
42	241	Dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu	<p>Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch được chứa trong túi ra được tiệt trùng - Dung dịch SSP dùng để thay thế một phần huyết tương trong chuẩn bị và bảo quản tiểu cầu - Phù hợp với tất cả các kỹ thuật và phương pháp sản xuất tiểu cầu - Phù hợp với việc bảo quản tiểu cầu giúp tăng thời gian bảo quản lên tới: 7 ngày ở nhiệt độ 20°C đến 24°C có máy lắc - Có nhiều thể tích đáp ứng tối đa yêu cầu - Vật liệu sản xuất túi đựng: Polyolefine (không PVC) - Cấu hình đa dạng phù hợp với nhiều phương pháp điều chế: Kít gan tách tiểu cầu, dầu kết nối theo dạng khóa luer. Chiều dài: 200mm - Dung tích: 300ml - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> + Na3 – Citrate 2H2O: 3,18g + Na – Acetate 3H2O: 4,42g + NaH2PO4 2H2O: 1,05g + Na2HPO4: 3,05g + KCl: 0,37g + MgCl2 6H2O: 0,30g + NaCl: 4,05g + Aqua ad iniectionem: 1000ml + pH: 7,2 <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE hoặc tương đương</p> <p>Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO)</p>	Túi	459.800	600
43	242	Túi ép Tyvek dùng trong nhiệt độ thấp Plasma 200mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	<ul style="list-style-type: none"> - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu da màng PET/PE 12/50μ, 65 g/m². - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương <p>Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO)</p>	Cuộn	2.374.000	166
44	243	Túi ép Tyvek dùng trong nhiệt độ thấp Plasma 250mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	<ul style="list-style-type: none"> - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu da màng PET/PE 12/50μ, 65 g/m². - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương <p>Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO)</p>	Cuộn	2.978.000	168

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
45	244	Túi ép Tyvek dùng trong hấp nhiệt độ thấp Plasma 30cm x 70m	Sử dụng cho hấp tiết khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiết khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Kích thước: 30cm x 70m - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m ² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu đa tầng PET/PE 12/50μ, 65 gr/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Nhiệt độ hàn: 120 - 130oC - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cuộn	3.454.000	138
46	245	Túi ép Tyvek dùng trong hấp nhiệt độ thấp Plasma 350mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	Sử dụng cho hấp tiết khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiết khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m ² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu đa tầng PET/PE 12/50μ, 65 gr/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	4.829.000	296
47	247	Túi ép Tyvek dùng trong hấp nhiệt độ thấp Plasma 75mm x 70m, có chỉ thị hóa học màu hồng	Sử dụng cho hấp tiết khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H2O2) Plasma và phương pháp tiết khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek 74,6 gr/m ² 1073B, một mặt được làm từ vật liệu đa tầng PET/PE 12/50μ, 65 gr/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.027.000	135
48	249	Túi ép tiết trùng đẹp 200 MM x 200M sử dụng tiết phương pháp ETO hoặc tiết trùng bằng hơi nước	Túi ép tiết trùng đẹp 200 MM x 200M sử dụng tiết phương pháp ETO hoặc tiết trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m ² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 μm; định lượng 45 gr/ m ² ; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiết trùng bằng pp ETO hay pp hấp hơi nước; - Nhiệt độ bảo quản từ 5 độ C đến 30 độ C, độ ẩm dưới 50 độ C; - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cuộn	1.929.300	344

STT	STT trong HSM/T	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
49	253	Túi ép tiệt trùng đẹp 250 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước	<ul style="list-style-type: none"> - Túi ép tiệt trùng đẹp 250 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m²; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; - Nhiệt độ bảo quản từ 5 độ C đến 30 độ C, độ ẩm dưới 50 độ C; 	Cuộn	2.400.000	360
50	254	Túi ép tiệt trùng phòng 350 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương - Túi ép tiệt trùng đẹp 350 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m²; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; 	Cuộn	1.500.000	316
51	255	Túi ép tiệt trùng đẹp 300 mm x 200m sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Túi ép tiệt trùng đẹp 300 mm x 200m sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m²; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương 	Cuộn	2.900.000	152
52	256	Túi ép tiệt trùng đẹp 150 mm x 200m sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Túi ép tiệt trùng đẹp 150 mm x 200m sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m²; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương 	Cuộn	1.440.000	360

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
53	259	Túi ép tiệt trùng phòng 300 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m ² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m ² ; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; - Nhiệt độ bảo quản từ 5 độ C đến 30 độ C, độ ẩm dưới 50 độ C; - Hạn sử dụng ≥5 năm. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Túi ép tiệt trùng phòng 300 MM x 200M sử dụng tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp EtO hoặc tiệt trùng bằng hơi nước; - Chất liệu: 2 lớp giấy y tế định lượng 60 gr/m ² và Polyester / polypropylene có độ dày 42 µm; định lượng 45 gr/ m ² ; - Nhiệt độ hàn túi ép từ 170 độ C đến 200 độ C; - Có chỉ thị hóa học trên túi để phân biệt túi ép được hấp tiệt trùng bằng pp EtO hay pp hấp hơi nước; - Nhiệt độ bảo quản từ 5 độ C đến 30 độ C, độ ẩm dưới 50 độ C; - Hạn sử dụng ≥5 năm. - Đáp ứng tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	2.900.000	300
54	263	Cassette sử dụng máy Infinity kèm đầu kim phaco cong 0,9mm	Cassette sử dụng máy Infinity kèm đầu kim phaco cong 0,9mm hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.196.800	2.000
55	277	Lọ đựng nước tiệt vô trùng, dung tích 60ml	Lọ đựng nước tiệt vô trùng, dung tích 60ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.760	75.000
56	292	Lọ lấy đàm	- Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu trắng, dung tích 55ml. - Kích thước: chiều cao 60mm, đường kính 35mm-37mm. - Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ	1.450	143.548
57	306	Cannula ECMO tĩnh mạch các cỡ 19,21,23,25	- Phủ chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phối HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm - Chất liệu của các chi tiết: o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	16.800.000	20
58	307	Cannula ECMO động mạch các cỡ 19,21,23,25	- Phủ chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phối HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm - Chất liệu của các chi tiết: o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.500.000	20

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
59	313	Ống đặt nội khí quản lò xo, thân ống phủ silicon, có bóng hoặc không bóng các cỡ	<p>Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)</p> <p>Ống nội khí quản có cốt kim loại, bóng chèn, có mắt. - Thân ống phủ silicon, dễ uốn cong. - Ống có cốt mềm kim loại có lò xo chống gãy. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA.</p>	Ông	147.000	5.424
60	316	Airway các số	<p>Chất liệu PVC y tế, dùng kích cỡ theo yêu cầu, độ cong thích hợp. - Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. - Tiết trung, đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA - Bộ nong dưới da dùng cho cannula ECMO: - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Kích cỡ: đường kính 0.097 cm x chiều dài 100 cm đường kính 0.097 cm x chiều dài 150 cm - Chất liệu của các chi tiết: oỐng nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO4 oDây dẫn hướng (guide wire): thép không rỉ oDao mổ nhỏ: thép không rỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) oỐng bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) oKim tiêm: thép không rỉ, polyacrylic. Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	10.500	16.900
61	318	Bộ chèn dưới da	<p>Chất liệu của các chi tiết: oỐng nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO4 oDây dẫn hướng (guide wire): thép không rỉ oDao mổ nhỏ: thép không rỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) oỐng bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) oKim tiêm: thép không rỉ, polyacrylic. Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	3.100.000	20

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
62	322	Ống nội phế quản (trái, phải) silicone	<p>Ống thông phế quản 2 nòng trái/phải bao gồm: Ống nội phế quản có stylet, Bộ nối Y, Catheter hút dịch, Bộ nối xoay 1 trục, Co nối 15m với ống phụ</p> <p>* Chất liệu PVC trong suốt tương thích nhiệt độ cơ thể, cân quang. Mã hóa màu dây nối và dây bơm bóng giúp dễ phân biệt ống phế quản (xanh) và nội khí quản (trong suốt).</p> <p>* Bóng thể tích lớn áp lực thấp, hạn chế tổn thương. Van bơm bóng 1 chiều.</p> <p>* Các size : Số 28Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 23mm /23mm, đk bóng nội phế quản 12mm/13mm, nòng soi phế quản 3.2mm, catheter hút dịch 8Fr/2.6mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 4.6mm). Số 32Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 26 mm, đk bóng nội phế quản 13 mm, nòng soi phế quản 3.8mm, catheter hút dịch 10Fr/3.3mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 5.4 mm). Số 35Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 27 mm, đk bóng nội phế quản 18/21 mm, nòng soi phế quản 4.1mm, catheter hút dịch 10Fr/3.3mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 6.0 mm). Số 37Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 28 mm, đk bóng nội phế quản 18/21 mm, nòng soi phế quản 4.4mm, catheter hút dịch 10Fr/3.3mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 6.3 mm). Số 39Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 29 mm, đk bóng nội phế quản 23/21 mm, nòng soi phế quản 4.7 mm, catheter hút dịch 10Fr/3.3mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 6.6 mm). Số 41Fr trái/ phải (đk bóng nội khí quản 31 mm, đk bóng nội phế quản 23/21 mm, nòng soi phế quản 5.0 mm, catheter hút dịch 12Fr/4.0mm, kích thước đường thở tương đương tối thiểu 7.0 mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương</p>	Cái	2.299.990	110
63	333	Ống thông phổi các số	<p>Ống dẫn lưu màng phổi dùng để dẫn lưu dịch màng phổi</p> <p>- Vật liệu: PVC</p> <p>- Kích cỡ: từ 12Fr để n 32Fr. Tương ứng đường kính ngoài từ 4.4mm đến 10.75mm, đường kính trong từ 2.9mm đến 7.8mm. Chiều dài 40cm</p> <p>-Đặc điểm yêu cầu: Ống catheter cân quang. Có vạch chia đánh dấu trên ống</p> <p>- Có co nối đi kèm</p> <p>- Vó trùng EO</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. CE</p>	Cái	84.000	350
64	334	Sond Pezzer số 18, 20, 22	<p>làm từ cao su thiên nhiên, silicone trắng, Van nhựa hoặc cao su, Size: 18, 20, 22. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Ống	15.500	644
65	345	Ống dẫn lưu Kehr các cỡ	<p>Được sử dụng để dẫn lưu máu phổi ngăn hạn của ống mật</p> <p>Kích cỡ 10, 12, 14, 16, 18FG dài 20x 60cm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO.</p>	Cái	19.000	200

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
66	347	Ống hút thay các cỡ	Ống hút thay: Được tiết trùng, đóng gói riêng biệt Các ống được phân biệt kích cỡ qua màu sắc của chuỗi Trên ống có các dấu chấm đánh dấu độ sâu kích thước từ cung từ 6 đến 11cm Ống cỡ 4mm đến 8mm: đầu ống có 2 lỗ hút Ống cỡ 9mm, 10mm và 12mm : đầu ống có 1 lỗ hút lớn Ống hút được làm bằng nhựa không atex Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.500	10.726
67	348	Ống hút thay các cỡ	Kích thước 4mm; 5mm; 6mm, các màu vàng, xanh, trắng. Tiêu chuẩn ISO	Cái	3.500	14.260
68	362	Đầu nối Male/male	- Chất liệu: Polycarbonate - Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	66.000	1.080
69	392	Chỉ tổng hợp Nylon, số 10/0, dài 30cm, 2 kim hình thang, kim cong kim 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 10/0 dài 30cm, 2 kim Athaloc hình thang Micro-point spatula TG 140-6 dài 6,5mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	234.460	1.736
70	393	Chỉ Polyglactin 8/0, kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 8/0 dài 30cm, 2 kim hình thang TG140-8 bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 6.5 mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	221.527	116
71	394	Chỉ tan chậm 8/0, 2 kim, dài 45cm, kim dẹt	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 8/0 dài 45cm, 2 kim bằng hợp kim Ethalloy kim tròn đầu hình thang Micropoint TG140-8 bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 6.5mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép	228.052	368
72	395	Chỉ Polyglactin 7/0, kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 7/0 dài 30cm, 2 kim bằng hợp kim Ethalloy kim tròn đầu hình thang Micropoint TG140-8 dài 6.5mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Tép	197.200	60
73	397	Chỉ không tan đơn sợi Nylon số 4-0, kim tam giác ngược, 3/8C, 19mm.	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) Nylon màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 19, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO FDA,CE	Sợi	25.200	12.600
74	401	Chỉ Nylon 8/0, dài 30cm	Chỉ nylon 8/0, dài 30cm, có 2 kim hình thang, chiều dài kim 6.5mm, độ cong kim 3/8 135 độ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	199.950	1.184

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
75	402	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-25, 1/2C, 22mm	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene màu xanh dương 4/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 90cm, chiều dài kim 20 - 2 kim, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO.FDA,CE	Tép	169.044	548
76	410	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu nhọn, 3/8C dài 8mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm. 2 kim tròn đầu tròn Everpoint BV175-6, Kim phủ silicone, Hợp kim tungsten- rhemium, cấu trúc kim hình Ibeam. dài 8mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	320.000	750
77	412	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene 5/0 dài 75cm 2 kim tròn 1/2 vòng tròn 13mm	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 13mm, 1/2C. Tép dạng dài coropak găm nhờ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	Tép	99.750	500
78	413	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0, 90cm, 2 kim tròn 1/2C 26mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	78.750	124
79	423	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Nylon (Polyamide 6,6) số 3/0 dài 75cm, kim tam giác ngược cong 3/8C dài 24mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 24, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO,CE	Tép	13.000	2.200
80	424	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi polyester 3/0, 75 cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm 1/2C.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, được bao phủ bằng polybutylate dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn RB-1, bằng hợp kim Ethalloy, dài 17mm 1/2 vòng tròn, chỉ màu xanh lá. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	550.396	1.440
81	429	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0, dài 90cm, kim tròn 31mm, 1/2C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 31mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	140.187	2.224
82	430	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0, dài 90cm, kim tròn 31mm, 1/2C	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene màu xanh dương 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 90cm, chiều dài kim 26 - 2 kim, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO, CE, FDA	Tép	78.750	1.104
83	439	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Nylon (Polyamide 6,6) số 3/0 dài 75cm, kim tam giác ngược cong 3/8C dài 24mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu đa - Chỉ màu xanh chất liệu Nylon (Polyamid 6.0 và 6.6), số 3/0, dài 75cm - 1 kim tam giác ngược dài 24mm. 3/8C, kim phủ silicon - Tiết khâu - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Tép	13.000	2.904

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
84	442	Nylon 4/0, dài 75 cm, kim tam giác ngược 19 mm, 3/8C	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) Nylon màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 19, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. CE, ISO 13485	Tép	14.500	532
85	444	Silk 3/0, dài 75 cm, không kim	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 không kim chiều dài chỉ 150cm, chỉ phủ sáp. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO hoặc tương đương	Tép	7.900	7.200
86	445	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi polyester 2/0, 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 22mm, 1/2C.	Chỉ không tan tổng hợp polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, được bao phủ bằng polybutylate, số 2/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn SH - 1 bằng hợp kim Ethalloy, dài 22mm. 1/2 vòng tròn, chỉ màu xanh lá. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	540.087	240
87	446	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi polyester 2/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 22mm 1/2C, pledget 7mm x 3mm x 1,5mm.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, bao phủ bằng polybutylate số 2/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy SH-1 dài 22mm 1/2 vòng tròn, miếng đệm pledget 7mm x 3mm x 1,5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	1.061.397	120
88	447	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi polyester 3/0, dài 100cm, 2 kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C.	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, bao phủ bằng polybutylate số 3/0 dài 100cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 26mm 1/2 vòng tròn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	113.709	2.360
89	453	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt 13mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim Ethalloy dài 13mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sơ chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	180.529	360
90	454	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 11mm, 3/8C	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 11mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sơ chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	125.000	80
91	456	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 11mm, 3/8C	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene màu xanh dương 6/0 kim tròn 3/8 chiều dài chỉ 60cm, chiều dài kim 11 - 2 kim, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO, CE, FDA	Tép	64.000	1.120

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
92	457	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn everpoint 9.3mm, 3/8C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn Everpoint BV 175-8, Kim phủ silicone, Hộp kim tungsten-rhemium, cấu trúc kim hình Ibeam, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	111.930	296
93	459	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0, 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethalloy, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	216.090	48
94	462	Silk 3/0, dài 75 cm, không kim	Chi silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 3/0, 75cm x 12 sợi, không kim. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	12.117	100
95	463	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt everpoint 9.3mm, 3/8C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt Everpoint CC175-8, Kim phủ silicone, Hộp kim tungsten-rhemium, cấu trúc kim hình Ibeam, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	395.842	80
96	465	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 9/0, dài 13cm, kim tròn đầu tròn 5.1mm, 3/8C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 5.1mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	568.284	24
97	466	Chi không tan tổng hợp Corolene 5/0, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn 13mm	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylene giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-22 dài 13mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bền theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Tép	130.200	2.340
98	469	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 17mm, 1/2C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V5 bằng hợp kim Ethalloy, dài 17mm 1/2 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	143.766	520

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
99	471	Chỉ phẫu thuật số 1 dài 100cm, kim đầu tù khâu gan 65mm, 3/8C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 1 dài 100cm, 1 đầu tù khâu gan BP-5, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 65mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 21 ngày, 50% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép	155.159	1.280
100	472	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn số 0, 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	102.556	2.000
101	474	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn số 1, 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	98.441	14.700
102	476	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi kháng khuẩn số 3/0 dài 20 cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2C	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Monocryl có chất kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 3/0 dài 20cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 1 - 2 tuần, thời gian tan hoàn toàn 90 - 120 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	974.610	240
103	477	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone 4/0, 70cm, kim tròn đầu hình thoi 20mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	127.525	7.800
104	478	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone kháng khuẩn Irgacare MP, số 1 dài 45cm, 1 đầu tự khóa - 1 kim tròn đầu tròn CT dài 40mm 1/2C	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng, có 5 neo trên 1cm, đoạn dẫn không có neo dài 19mm. Cỡ chỉ số 1 dài 45cm, 1 đầu tự khóa hình chữ nhật 2.54 x 5.08mm - 1 kim tròn đầu tròn CT dài 40mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	772.994	600

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
105	479	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone kháng khuẩn số 3/0 dài 70 cm, 1 đầu vòng tự khóa - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2C	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cờ chỉ số 3/0 dài 70cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn SH dài 26mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	1.005.848	240
106	482	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, số 0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt dài 36mm. 1/2C	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 0 dài 90cm, 1 kim tròn đầu cắt V-34 dài 36mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim; khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	113.059	3.000
107	483	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2 C	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn plus SH dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim; khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	123.909	9.740
108	486	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn số 4/0 dài 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 27mm 1/2 vòng tròn	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cờ chỉ số 4/0 dài 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	1.005.848	240
109	487	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 0, kim tròn đầu tròn, dài 31mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 31mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	169.477	2.600
110	497	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài 90cm, kim tròn thân dày phủ silicone 1/2C dài 40mm	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép	87.841	2.000

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
111	500	Chỉ không tan đa sợi 1/0 dài 75 cm. Kim tròn 26mm, 1/2C	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi ken của sếu tơ tằm họ Bombyx mori, 1/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trắng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. FDA, FSC, CE, ISO	Tép	55.020	7.200
112	501	Chỉ không tan đa sợi số 1 dài 75 cm. Kim tròn 26mm, 1/2C	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi ken của sếu tơ tằm họ Bombyx mori, số 1 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trắng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. FDA, FSC, CE, ISO	Tép	58.275	2.000
113	509	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn 1/2C, 40mm	Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, cắt lực khô bằng 140% USP, số 1 dài 90cm - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2 C, kim được phủ sắc bền - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Tép	68.990	2.000
114	511	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác thuần FS-3 CONV bằng thép Ethalloy có phủ silicone cái tiền, dài 16mm, 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Tép	78.200	2.360
115	518	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Sterisil 2/0 kim tam giác	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 24, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiết trắng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. ISO, EC	Tép	15.225	9.200
116	521	Chỉ tan nhanh đa sợi Polyglycolid Acid số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, 36mm	Chỉ khâu phẫu thuật tiêu nhanh đa sợi tổng hợp được làm từ Polyglycolic Acid, sợi chỉ được bao phủ Polycaprolactone và Calcium stearate, màu trắng, số 2/0, kim tròn đầu tam giác dài 37 mm, thép không gỉ 300 series phủ silicone, 1/2C, sợi chỉ dài 90 cm, thời gian tiêu từ 42-63 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	55.650	3.000
117	534	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, kim tròn	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 phủ poly(glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn trong 50-75 ngày. Sức căng còn lại đạt 75% vào ngày thứ 4; 45% vào ngày thứ 21. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cờ chỉ số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 20mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	39.745	200

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
118	557	Chỉ tan nhanh đa sợi Polyglycolid Acid số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu cắt 1/2C	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi bền Polyglycolic Acid Rapid phù hợp Polycaprolacton + Calcium Stearate. số 2/0 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm. Thời gian giữ vết thương trong 14 ngày, tan hoàn toàn trong 42 ngày. Kim bằng thép không gỉ cao cấp với độ dẻo cao, lực uốn mạnh giúp giảm thiểu tổn thương khi đâm qua mô. Tiêu chuẩn ISO, CE	Tép	60.000	3.000
119	563	Chỉ thép số 7, Kim tam giác 1/2C - 55mm	Chỉ thép số 7, 2 sợi x 75cm, kim tam giác 55mm, 1/2 C, thép 316L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Tép	320.000	1.440
120	564	Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ	Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ dài 45cm, 1 k m tròn đầu cắt V-40 dài 48mm, 1/2 Vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tép	377.545	140
121	565	Chỉ điện cực đa sợi 2/0 dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2 vòng tròn, 1 kim thẳng đầu tam giác 60mm	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0 bằng thép không gỉ 316L, phủ bằng Ethylene polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn và một kim thẳng đầu tam giác 60mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Tép	402.000	60
122	586	Tám điện cực trung tính	Bê mặt gel được làm bằng chất liệu Polyhesive hydro có độ dày từ 0.078 cm đến 0.155cm. Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keo arylac giúp cải thiện chất lượng tiếp xúc điện cực với bệnh nhân. Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC 60601-2-2:2006 (hoặc tương đương). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	84.000	5.080
123	590	Tay dao dùng cho phẫu thuật mô hồ	Tay dao mô hồ Ligasure đầu dốt 16,5 cm; Tổng chiều dài 18,8 cm; Đầu dao xoay được 28 độ; Đầu dao có viên bọc để bóc tách; Dao cắt hàn mạch, hàn mô mô hồ dùng cho máy Ligasure Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	18.600.000	50
124	593	Dao cắt hút niêm mạc, hình chữ D, dài 1950mm, chiều dài dao 1.5mm	Dao cắt hút niêm mạc nội soi, hình chữ D, dài 1950mm, chiều dài dao 1.5mm. Đầu dao có thể điều khiển được. Có lớp phủ đặc biệt ở đầu dao tránh tình trạng bám dính của mô. Thiết kế tia nước trên đầu dao giúp bơm rửa vùng chảy máu trong quá trình làm thủ thuật, giảm việc thay đổi dụng cụ. Phù hợp với kênh dụng cụ ≥2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.990.000	10
125	595	Dao cắt hút niêm mạc, hình chữ T, dài 1950mm, chiều dài dao 4mm.	Dao cắt hút niêm mạc nội soi, hình chữ T, dài 1950mm, chiều dài dao 4mm. Đầu dao bằng gốm cách điện/nhiệt giảm sự tiếp xúc của đầu kim loại đến mô bình thường. Tia nước trên đầu dao giúp bơm rửa vùng chảy máu trong quá trình làm thủ thuật, giảm việc thay đổi dụng cụ. Phù hợp với kênh dụng cụ ≥2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.990.000	10
126	597	Dao siêu âm 36cm dùng được cho máy Harmonic	Dao siêu âm (Dao hàn mạch, hàn mô) mô nội soi tích hợp công nghệ thích ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, dùng kèm theo với dây đặc Harmonic HP054 và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	17.295.579	450

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
127	598	Dao siêu âm 17cm dùng được cho máy Harmonic	Dao siêu âm mô mềm tích hợp công nghệ thích ứng mô, cán dài 17cm, dùng kèm với dây dao Harmonic và máy phát chính (máy cắt: cảm màu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.290.482	300
128	599	Dây dao siêu âm mô nội soi dùng cho máy Harmonic	Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao nội soi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	51.140.250	28
129	600	Dây dao siêu âm mô mở dùng cho máy Harmonic	Dây cáp dùng cho dao Harmonic mô hở, dùng kèm với máy phát chính GEN 11, số lần sử dụng ≥ 100 lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	49.640.850	40
130	602	Kẹp cắt đốt lưỡng cực sử dụng nhiều lần dạng lưới lé, chiều dài 19,1cm, đường kính đầu kích hoạt 2,0mm	Kẹp cắt đốt lưỡng cực sử dụng nhiều lần dạng lưới lé, chiều dài 19,1cm, đường kính đầu kích hoạt 2,0mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	9.300.000	400
131	616	Dao mổ mắt các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ. Thiết kế cán đối, nệm đeo, sắc bén, gắn vào cán để dang. Tương thích với cán dao bằng tay. Kích thước thước: Số 11: chiều cao lưỡi: 5.3mm-6.2mm; độ dài lưỡi vác: 19-19.5mm, độ dài lưỡi: 39.1mm - 41.5mm. Số 15: chiều cao: 2.8mm-4.0mm, độ dài vác cong: 9.0mm-11.5mm; chiều dài lưỡi: 35.0-37.5mm. Đóng gói tiệt trùng phương pháp. Tiêu chuẩn Chất lượng: ISO, FDA	Cái	4.410	8.128
132	617	Dao mổ mắt các cỡ	Dao mổ mắt các cỡ số Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.415	7.120
133	618	Dao bảo da	Lưỡi dao bảo da được làm từ thép không gỉ. Cảnh sắc bén, dùng chung cho các cán dao. Kích thước: 157mm (dài) x 18mm (cao) x 0.229mm (dày). Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	27.500	400
134	619	Lưỡi dao phẫu thuật các số	Lưỡi dao phẫu thuật các số. Thép không gỉ đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	875	72.400
135	620	Mạch máu nhân tạo chữ Y có ngấm tẩm gelatin (các cỡ)	Mạch máu nhân tạo chữ Y với công nghệ ngấm tẩm gelatin thủy phân độc đáo, không bị tình trạng thùng tổ ong, bền chặt với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũi khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực, bụng - chậu. 14mm x 7mm x 45cm, 16mm x 8mm x 45cm, 18mm x 9mm x 45cm, 20mm x 10mm x 45cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	16.000.000	20
136	625	Lưới điều trị thoát vị 15x15cm	Mảnh: ghép Prolene mesh dùng trong thoát vị 15 x 15cm. Thành phần: sợi polypropylene không tiêu. Kích thước lỗ lưới < 1mm. Trọng lượng: > 95g/m ² . Chiều dày: khoảng 0,5mm (hộp/1 miếng) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	1.795.864	82

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
137	628	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu trên 20kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ Bioline toàn bộ sản phẩm, thời gian sử dụng phối liên tục 14 ngày - Lưu lượng máu: 0,5-7 lít/phút - Lưu lượng khí: 14 lít/phút - Thể tích môi (priming): 215 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 1,8 m² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,4 m² - Cảnh báo ly tâm Rotaflow gắn kèm bộ dây Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Phụ Bioline toàn bộ sản phẩm, thời gian sử dụng phối liên tục 14 ngày - Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút - Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút - Thể tích môi (priming): ≤ 90 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m² Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Bộ	78.400.000	15
138	629	Bộ phổi nhân tạo ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg (không kèm bộ dây dẫn tuần hoàn)	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ Bioline toàn bộ sản phẩm, thời gian sử dụng phối liên tục 14 ngày - Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút - Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút - Thể tích môi (priming): ≤ 90 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m² Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Bộ	59.900.000	10
139	632	Keo nút mạch nút dị dạng động tĩnh mạch não	Gồm 01 syringe 1ML tiết trùng đóng sẵn hợp chất Co- Polymer với Iodine – yếu tố đóng vai trò cản quang. Tất cả đều không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO). Kèm theo một-syringe 1ML tiết trùng đóng sẵn chất DMSO riêng biệt. Có sẵn các Adapter tương thích với Microcatheter 17 và bóng Scepter. Chi định nút các ổ dị dạng động tĩnh mạch máu não (AVM). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	13.000.000	60
140	643	Phim X-Quang ướt siêu nhạy 35x35	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 35cm x 35cm; - Phim X quang ướt siêu nhạy - Có giấy phép bán hàng trực tiếp bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất - Thành phần cấu tạo - Polyethylene Terephthalate (Pet): 85-95%; Gelatine: 1-10%; Silver halides: 1-10%; - Additives: 1-10%; Bao gói: màng nhôm. - Tiêu chuẩn chất lượng - ISO 9001, ISO 13485, EC 	Tấm	13.230	17.000
141	644	Hóa chất rửa phim X-Quang	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 873498: Thuốc rửa phim hiện hình - Auto Developer - 873505: Thuốc rửa phim hàm hình - Auto Fixer - Có giấy phép bán hàng trực tiếp bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất - Tiêu chuẩn chất lượng - ISO 9001, ISO 14001 	Bộ	1.375.000	76

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
142	658	Dung dịch BSS hỗ trợ dùng trong phẫu thuật Phaco máy Centurion	Là dung dịch muối sinh lý vô trùng, mỗi mL dung dịch có chứa patri chloride (NaCl) 0,64%, kali chloride (KCl) 0,075%, canxi chloride dihydrate (CaCl ₂ .2H ₂ O) 0,048%, magie chloride hexahydrate (MgCl ₂ .6H ₂ O) 0,03%, natri acetate trihydrate (C ₂ H ₃ NaO ₂ .3H ₂ O) 0,39%, natri citrate dihydrate (C ₆ H ₅ Na ₃ O ₇ .2H ₂ O) 0,17%, natri hydroxide và/hoặc acid hydrochloric (điều chỉnh pH), và nước pha tiêm. Về cơ bản, dung dịch tưới vô trùng BSS không phải là dung dịch đệm. Khả năng đệm acid = 0.0014 M/L/pH. Khả năng đệm base = 0.00019 M/L/pH. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO 13485, FDA.	Bịch	407.000	2.000
143	659	Đầu cắt dịch kính bán phần trước dùng cho máy Infiniti	Kích thước đầu cắt: 20G. Tốc độ cắt 800 cpm ± 10 cpm. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO 13485, FDA.	Cái	3.974.400	50
144	662	Bộ dụng cụ khâu cắt nối vòng điều trị bệnh trĩ	Bộ dụng cụ khâu cắt nối dạng vòng 33mm, điều trị bệnh trĩ theo PP Longo, đường kính lòng cắt 24.4mm, 28 ghim đập, tự động điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 0.75mm-.5mm, chất liệu kim bằng hợp kim Titanium Alloy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	7.003.201	30
145	664	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 45mm, không dùng pin	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc Echelon Flex 45mm, đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	13.412.669	10
146	665	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 60mm, không dùng pin	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc Echelon Flex 60mm, đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	13.412.669	20
147	666	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, phù hợp với các loại mô, gồm 118 ghim làm bằng titanium alloy với công nghệ 6 hàng ghim 3D Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.419.260	30
148	667	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc 45mm, sử dụng pin	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin Echelon Flex 45mm với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	16.338.105	20
149	668	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc 60mm, sử dụng pin	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin Echelon Flex 60mm với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	16.338.105	20

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
150	669	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong Proximate	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dạng vòng, đường kính ngoài chứa ghim 29mm, chiều dài cán 18 cm, đường kính ngoài của dao 20.4mm, chiều cao ghim mở 5.2mm, tự động điều chỉnh chiều cao ghim đóng từ 1.5mm-2.2mm, gồm 24 ghim, chất liệu ghim bằng hợp kim Titanium Alloy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	9.032.100	30
151	670	Dụng cụ khâu cắt nối tròn đầu cong sử dụng pin các cỡ 25/29/31mm, chiều cao kim mở 5.2mm, tự động điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1.5mm-2.2mm. Ghim công nghệ 3D và công nghệ chống trượt mô GST, làm bằng chất liệu Titanium Alloy	Dụng cụ khâu cắt nối tròn đầu cong sử dụng pin các cỡ 25/29/31mm, gồm 2 vòng băng ghim với 22/26/30 ghim, đường kính lưỡi dao 16.5 / 20.4 / 22.5mm, chiều cao ghim mở 5.2mm, chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh 1.5-2.2mm. Ghim được thiết kế công nghệ 3D và công nghệ chống trượt mô GST, làm bằng chất liệu Titanium Alloy. Màn hình hiển thị chiều cao ghim đóng, kèm đèn chỉ thị khi quá trình bán hoàn tất. Tiêu chuẩn tối thiểu: FDA, ISO 13485.	Cái	14.590.800	20
152	671	Thông lượng cát polyp lạnh	Thông lượng cát polyp hình thoi, xoay được, tay cầm có đánh dấu. Đường kính 10, 15mm, dài 2300mm, sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	350.000	30
153	673	Thông lượng cát polyp hình oval, đường kính 20mm, dài 1600mm, sử dụng 1 lần.	Thông lượng cát polyp sử dụng 1 lần. Xoay được 360 độ. Tay cầm có đánh dấu. Đường kính 1.8mm. Chiều dài 1600mm. Size 20mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	392.000	50
154	674	Thông lượng cát Polyp (dùng cho ống sợi dạ dày ngã mũi)	Cát Polyp hoặc dùng trong cắt EMR - cắt hút niêm mạc trong điều trị ung thư sớm đường tiêu hóa. Lỏng mềm, dây xoắn. Đường kính: 22mm - hình bán nguyệt. Đường kính dụng cụ 1.8mm dài 230cm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	Cái	2.800.000	20
155	675	Thông lượng cát polyp cắt lạnh	Loại Cold. Dây xoắn loại Stiff. Đường kính 10mm. Đường kính dụng cụ 2,4mm dài 240cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	395.000	5
156	677	Tấm màng nâng thoát vị đơn sợi Versatex, kích thước 11x6 cm	Mảnh ghép thoát vị nhẹ, đơn sợi, dệt 3D, có gân đa chiều, chất liệu polyester. Trọng lượng 64g/m ² , lỗ lưới 2,1x3,0 mm. Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, kích thước 11cm x 6cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	1.300.000	344
157	678	Tấm màng nâng thoát vị đơn sợi Versatex, kích thước 15x10 cm	Mảnh ghép thoát vị nhẹ, đơn sợi, dệt 3D, có gân đa chiều, chất liệu polyester. Trọng lượng 64g/m ² , lỗ lưới 2,1x3,0 mm. Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, kích thước 15cm x 10cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	1.400.000	116
158	679	Tấm màng nâng thoát vị 3D, dùng trong mô thoát vị bẹn bên trái, kích thước 15x10 cm	Mảnh ghép thoát vị , gồm 2 phần dệt 2D và dệt 3D, có gân đa chiều, chất liệu polyester, có rãnh bên, dùng trong mô thoát vị bẹn bên trái, kích thước 15cm x 10cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	2.500.000	10

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
159	680	Tấm màng nâng thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi, kích thước 6x11 cm	Màng ghép thoát vị nhẹ, đơn sợi, dệt 2D, có gân da chiều, chất liệu polypropylene. Trọng lượng 38g/m ² . Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, kích thước 11cm x 6cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	900.000	300
160	681	Tấm màng nâng thoát vị bẹn, tự dính Progrid dùng trong mổ mở thoát vị bẹn bên phải, kích thước 12x8 cm	Màng ghép thoát vị đơn sợi, chất liệu Polyester thân nước dùng trong mổ mở thoát vị bẹn bên phải, có các gai tự dính chất liệu Polylactic Acid. Lưới có hình dạng oval, có Miếng lật sẵn tạo thuận lợi trong phẫu thuật, kích thước lỗ lưới 1.1mm - 1.7mm. Trọng lượng trước khi tiêu gai dính 73g/m ² , sau khi tiêu hết gai dính 38g/m ² . Kích thước Miếng lưới 12 x 8cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Miếng	2.500.000	42
161	683	Kềm sinh thiết chiều dài 1700mm	Kềm sinh thiết dạ dày đường kính D2-D1: 2.03-2.05mm, chiều dài 1700mm, có vỏ bọc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	550.000	410
162	687	Rọ lấy dị vật tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm	Chiều dài làm việc 2000mm, tương thích với kênh dụng cụ 2.8mm trở lên, dk rọ 40x20, 25x50, đường kính ống 2.35mm, đường kính dụng cụ 2.8mm trở lên, dùng 01 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	5.500.000	200
163	692	Điện cực đốt cầm máu, đầu nhọn (xè cổ bàng quang), cỡ 22-24Fr,	Điện cực cầm máu đơn cực 22-24Fr, dùng nhiều lần. Tiêu chuẩn ISO, FDA hoặc tương đương	Cái	7.245.000	500
164	693	Điện cực đốt cầm máu, đầu nhọn (xè cổ bàng quang), cỡ 24Fr/26Fr,	dùng với vỏ 24/26 Fr. Loại sử dụng nhiều lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	7.245.000	150
165	698	Kim bơm xi măng dùng cho vít rỗng	Chất liệu thép không gỉ, cán nhựa, chịu nhiệt, hấp tiệt trùng được. Đầu kim tương thích với lỗ bơm của vít có dạng chuỗi hình vương thon gọn có 3 rãnh ball head .Bộ gồm 2 cái: cây đẩy và cây bơm xi măng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.700.000	10
166	699	Đai cột sống các số	Bảng vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khoa Velcro, nẹp hợp kim nhôm, kích thước tương ứng các số, đóng gói từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	92.000	2.048
167	700	Đai Desault các cỡ	Bao gồm một miếng mouse mỏng TA5 ở giữa, hai mặt là 2 lớp vải lưới, hình tổ ong, độ dày là 5mm, được cắt theo rập của đai Desault, có hình dáng ôm sát từ cầu vai xuống tới ngang ngực và ngang lưng phía sau. Phía trước ngực có một túi treo dùng để nâng đỡ cẳng tay phía trước ngực. Đai Desault được dùng trong trật khớp vai, trật khớp cùng đòn, gãy cổ phẫu thuật xương cánh tay. Gồm có bốn kích cỡ, từ số 1 đến số 4 và hai bên trái, phải. Kích cỡ lần lượt là: Kích cỡ 1 2 3 4; Vòng eo (cm) 50 60 65 70. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	52.920	5.940
168	713	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu ACT	Ống mẫu sử dụng đo độ đông máu trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu/thành phần: có 2 kênh xác định thời gian đông máu và thay đổi Heparin, với dung dịch hỗn hợp có chứa Kaolin giúp hợp nhất với máu - Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương - Tương thích máy đo độ đông máu ACT-Medtronic (máy bệnh viện)	Cái	110.000	6

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
169	720	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mềm	Ghim khâu (băng đàn) 75mm của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mềm 75mm, chiều cao ghim đồng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 118 ghim dạng 3-D làm bằng titanium alloy với 6 hàng ghim, dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mềm 75 mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	1.571.585	350
170	721	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mềm nội soi 45mm các cỡ	Băng đàn (ghim khâu) các cỡ gồm 70 ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), có 6 hàng ghim, chiều cao ghim đồng các cỡ gồm: 1.0mm, 1.5mm, 1.8mm, 2.0mm, dùng kèm với dụng cụ Echelon Flex 45mm gấp góc, sử dụng pin. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	2.693.824	96
171	722	Băng ghim Echelon với công nghệ giữ mô bề mặt	Băng đàn (ghim khâu) các cỡ gồm 88 ghim làm bằng hợp kim titan với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), có 6 hàng ghim, chiều cao ghim đồng các cỡ gồm: 1,0mm, 1,5mm, 1,8mm, 2,0mm, dùng kèm với dụng cụ Echelon Flex 60mm gấp góc, sử dụng pin. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	2.693.824	300
172	763	Tay khoan	Tay khoan mài vi phẫu thẳng dòng Micro-Line, dùng cho mũi mài chuôi 2,35x70mm, tỉ lệ thay đổi tốc độ 1:1 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	31.051.000	5
173	767	Kim bấm xương có thể tháo rời	Dụng cụ găm xương Kerrison, kiểu mảnh, cong lên trên 130°, không có bộ phận dây mô, tháo rời được, dài 200mm, ngàm rộng 1mm, ngàm mở 8mm -Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7, mức chịu đựng vật liệu khí hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cái	23.770.000	5
174	768	Kim bấm xương có thể tháo rời	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, kiểu mảnh, cong lên 130°, có bộ phận dây mô, tháo rời được, dài 200mm, ngàm rộng 2mm, ngàm mở 9mm, sử dụng cùng JF120R -Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7, mức chịu đựng vật liệu khí hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cái	20.193.000	10
175	772	Kềm cắt đỉnh nhỏ	- Kim cắt chỉ thép Harvey TC, ngàm có cạnh rất sắc, cán vàng, dài 235mm, đường kính chỉ thép tối đa 2,2mm (chỉ mềm), 3,0mm (chỉ cứng). -Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7, mức chịu đựng vật liệu khí hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cái	31.254.000	5
176	773	Kềm cắt xương công lực 190	- Kim cắt xương Ruskin-Liston, thẳng, hoạt động đôi, dài 190mm. -Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7, mức chịu đựng vật liệu khí hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cái	21.639.500	10

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
177	787	Banh mũi Đầu mũi 50 mm, dài 13cm	Đầu mũi 50 mm, dài 13cm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Banh mũi Hartmann, dài 160 mm	Cái	3.708.600	20
178	791	Banh mũi Hartmann, dài 160 mm	- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kẹp phẫu tích mô Babcock, dài 160 mm:	Cái	3.227.700	18
179	793	Kẹp phẫu tích mô Babcock, dài 160 mm:	- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.877.400	118
180	794	Kẹp bóc tách, thẳng, dài 200 mm:	Kẹp bóc tách, thẳng, dài 200 mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.831.200	36
181	796	Kẹp mang kim Mayo - Hegar, bước răng 0.4mm, dài 165mm	Kẹp mang kim Mayo - Hegar, bước răng 0.4mm, dài 165mm Kẹp mang kim Mayo- Hegar cán vàng, dùng cho chỉ loại to, kích thước răng của ngàm 0.5mm, dài 140/160/180/200 mm, trên thân có khắc laser theo tiêu chuẩn GS1 DataMatrix Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương Được làm bằng thép không gỉ theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, CE Marking certification Directive 93/42/EEC	Cây	2.842.532	60
182	798	Banh mũi	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương	Cái	8.165.500	7
183	808	Kéo phẫu thuật Mayo cắt mô cứng cong, lưỡi vát, tù, dài 140/170/230 mm	Kéo phẫu thuật Mayo loại cong/ thẳng, cán vàng, dài 140/170/230 mm, trên thân dụng cụ có khắc laser theo tiêu chuẩn GS1 DataMatrix Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương	Cái	5.116.650	174

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
184	814	Kéo Mayo cong 17cm	Kéo Mayo Stille lưỡi cong, chiều dài 17cm. Dụng cụ kim loại được làm bằng thép không gỉ. Có thể tiệt trùng ở nhiệt độ 134°C. Cam kết khác mã DataMatrix trên dụng cụ khi giao hàng đối với các dụng cụ có đủ điện tích khác và có chứa dữ liệu thông tin gồm: Hãng sản xuất, Mã mã sản phẩm, mã số sản phẩm và ngày tháng năm sản xuất; tên viết tắt của bệnh viện	Cây/ Cái	1.418.000	15
185	815	Kéo Metzbaum dài 18cm	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương Kéo phẫu tích Metzbaum: loại cong/thẳng, cán vàng, dài 110/140/180 mm, trên thân dụng cụ có khắc laser theo tiêu chuẩn GS1 DataMatrix Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương	Cây/ Cái	5.208.100	15
186	818	Cái xương dài 185mm	Kim cắt xương Ruskin-listin, cong, dài 185mm. Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7, mức chịu đựng vật liệu khí hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cái	10.123.000	10
187	820	Bám amidan	Bám amidan: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	14.912.100	20
188	821	Banh khí quản	Banh khí quản, dài 140 mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	6.008.100	19
189	822	Banh mạch máu	Banh mạch máu, dài 5cm, răng tù: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	6.413.400	50
190	825	Gu gặm xương cong dài 180 mm	Gu gặm xương cong, dài 180 mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	16.109.100	30

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
191	829	Kéo phẫu thuật Mayo cắt mô thẳng, mũi tù, dài 170mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, thẳng, mũi tù, dài 170 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.022.700	132
192	831	Kéo phẫu tích cắt mô mềm, cong, mũi tù/tu, dài 180mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, cong, mũi tù/tu, dài 180 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.192.800	120
193	834	Kéo thẳng nhọn dài 165 mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, thẳng, mũi nhọn, dài 165 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	976.500	125
194	835	Búa dài 240 mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, thẳng, mũi nhọn, dài 165 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu <p>Búa, dài 240mm, đường kính 28mm / 42mm, khối lượng 400g, bằng thép đặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	8.101.800	10
195	837	Cây Bennett hoặc tương đương dài 250mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, thẳng, mũi nhọn, dài 165 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu <p>Cây Bennett, răng nhọn, dài 140 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.488.100	20
196	838	Cây Weitainer hoặc tương đương dài 140mm	<p>Tính năng kỹ thuật Mayo cắt mô, thẳng, mũi nhọn, dài 165 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu <p>Cây Weitainer, răng nhọn, dài 140 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	5.052.600	14

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
197	839	Cây Adson hoặc tương đương dài 265mm	<p>Cây Adson, 3x4 răng nhọn, dài 265 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu <p>Đục xương dài 160 mm, đầu 6mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	13.217.400	50
198	847	Đục xương	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.087.000	10
199	848	Dụng cụ bảo da	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	51.336.600	15
200	852	Dụng cụ bóc tách màng nhĩ Panetti có công hút, cong phải, 3mm, dài 13 cm	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	16.459.800	3
201	853	Dụng cụ bóc tách màng nhĩ Panetti có công hút, cong trái, 3mm, dài 13 cm	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	16.459.800	3
202	854	Dụng cụ bóc tách màng nhĩ Panetti cong đơn bên phải, rất tinh tế dài 13 cm có công hút	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	17.612.700	3

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
203	855	Dụng cụ bóc tách màng nhĩ Panetti cong đơn bên trái, rất tinh tế dài 13 cm có công hút	Dụng cụ bóc tách màng nhĩ Panetti cong đơn bên trái, rất tinh tế dài 13 cm có công hút - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	17.612.700	3
204	859	Thước đo độ sâu	Thước đo độ sâu, dài 120mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	7.206.150	10
205	869	Kềm răng chuốt dài 15 cm, 5x6	Kềm mỏ Allis, dài 15 cm, 5x6 răng - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	1.312.500	50
206	871	Ống hút tai mũi họng đường kính 3mm	Ống hút tai mũi họng, đường kính 3mm, dài 14,5 cm, cấu conng - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	1.107.750	64
207	876	Khay dụng cụ kích thước 267x125x50mm	Khay lưới đựng dụng cụ, kích thước 267x125x50mm, có nắp đậy - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	14.349.300	70
208	878	Khay dụng cụ	Khay lưới đựng dụng cụ, kích thước 255x245x70mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	6.734.700	90

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
209	880	Hộp dụng cụ mini 300 x 140 x 70 mm	<p>Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)</p> <ul style="list-style-type: none"> Hộp dụng cụ bảo quản dụng cụ phẫu thuật, mini, có nắp đậy (Màu xanh lá). Kích thước hộp: 300 x 140 x 70 mm Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	9.317.700	51
210	888	Kéo phẫu thuật cong, tù dài 155mm	<ul style="list-style-type: none"> Kéo phẫu thuật, đầu cong, tù dài 155mm. Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.499.400	146
211	889	Đè lưới kích thước 20mm & 25mm dài 190mm	<ul style="list-style-type: none"> Đè lưới, hai đầu kích thước 20mm & 25mm dài 190mm. Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 	Cái	682.500	209
212	890	Kéo phẫu thuật thẳng dài 155mm	<ul style="list-style-type: none"> Kéo phẫu thuật, thẳng, dài 155 mm. Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.411.200	81
213	892	Kéo phẫu tích cong dài 115 mm	<ul style="list-style-type: none"> Kéo phẫu tích, cong, dài 115 mm. Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	907.200	71
214	893	Kéo phẫu tích cong, mảnh, dài 130mm	<ul style="list-style-type: none"> Kéo phẫu tích, cong, mảnh, dài 130 mm. Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	957.600	71

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
215	894	Kẹp bulldog hoặc tương đương:	<p>Kẹp mạch máu bulldog, đầu cong, dài 75 mm, ngâm 20mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	9.989.700	60
216	895	Kẹp cầm máu, thẳng, mảnh, dài 125mm	<p>Kẹp cầm máu, thẳng, mảnh, dài 125 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	791.700	132
217	896	Kẹp gấp bông băng, cong, ngâm tron	<p>Kẹp gấp bông băng, cong, dài 250 mm, ngâm tron:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.551.900	148
218	897	Kẹp gấp bông băng, thẳng, ngâm tron	<p>Kẹp gấp bông băng, thẳng, dài 250 mm, ngâm tron:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.528.800	191
219	898	Kẹp mang kim dài 150 mm	<p>Kẹp mang kim, dài 150 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.320.900	122
220	900	Kẹp phẫu tích mạch máu dài 200mm	<p>Kẹp phẫu tích mạch máu, dài 200mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.836.700	111

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
221	901	Kẹp phẫu tích mô Babcock hoặc tương đương, dài 160mm	<p>Kẹp phẫu tích mô Babcock, dài 160 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.738.800	58
222	902	Kẹp phẫu tích, cong, mảnh, dài 125mm	<p>Kẹp phẫu tích, cong, mảnh, dài 125 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	825.300	50
223	903	Kẹp titan tui phình mạch máu não dạng gấp góc/ cong loại standard các cỡ	<p>Loại có lỗ tròn đường kính 5,0 mm</p> <p>Hàm kẹp cong nhẹ/ cong mạn./ gấp góc 90 độ</p> <p>Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng chéo tăng ma sát, chất liệu titanium. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p>	Cái	6.773.025	50
224	911	Khoan nội tụy các số	<p>Khoan nội tụy các số, đầu lục giác, chiều dài 500mm, đường kính 6mm-16mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	11.073.300	65
225	915	Nạo xương hoặc tương đương	<p>Nạo xương, lưỡi nạo 16 mm, dài 190 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 	Cái	1.780.800	15
226	920	Kẹp cầm máu, cong, mảnh, dài 125mm	<p>Kẹp cầm máu, cong, mảnh, dài 125 mm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	825.300	250

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
227	921	Kẹp bóc tách trung	<p>Kẹp bóc tách loại trung, cong, ngầm dọc, dài 22 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.047.100	20
228	922	Kẹp bóc tách lớn	<p>Kẹp bóc tách loại cong, ngầm dọc, dài 25 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.038.700	20
229	923	Kẹp Bobcock	<p>Kẹp Bobcock loại thẳng, dài 24 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.400.300	15
230	925	Kẹp sáng	<p>Kẹp sáng loại cong dài 13cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	848.400	504
231	928	Kèm răng chuột có 5x6 máu, dài 25cm	<p>Kèm răng chuột có 5x6 máu, dài 25cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.383.500	40
232	930	Kim dẫn đường đường kính 16	<p>Kim dẫn đường đầu cong, dài 200 mm, đường kính 16 charr</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	770.700	15

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
233	932	Khay đựng cụ 255x165x18 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Khay đựng cụ, kích thước 255x165x18 mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.419.600	40
234	933	Khay đựng cụ 420x280x10 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.761.500	70
235	934	Hộp đựng cụ mini	<ul style="list-style-type: none"> - Hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại mini, khay lưới có nắp, nắp hộp (Màu xanh dương). - Kích thước hộp: 300x140x70mm - Kích thước khay lưới: 267x125x50 mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	23.667.000	10
236	941	Kẹp gấp bông băng, cong, dài 250mm, ngàm răng cưa	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp gấp bông băng, cong, dài 250 mm, ngàm răng cưa. - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.551.900	112
237	942	Kẹp gấp bông băng, thẳng, dài 250mm, ngàm răng cưa	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp gấp bông băng, thẳng, dài 250 mm, ngàm răng cưa. - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.528.800	127

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
238	948	Khay lưới đựng dụng cụ Panetti	<ul style="list-style-type: none"> Khay lưới đựng dụng cụ Panetti - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	57.852.900	1
239	949	Dao vi phẫu Panetti hình oval, hút bên trái, 2.5mm, 13 cm	<ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng, mã số chống hàng giả (data matrix). - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	16.459.800	1
240	954	Khay đựng dụng cụ, kích thước 210x160x10mm	<ul style="list-style-type: none"> Khay đựng dụng cụ, kích thước 210x160x10mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	1.371.300	68
241	955	Khay đựng dụng cụ, kích thước 310x150x10mm	<ul style="list-style-type: none"> Khay đựng dụng cụ, kích thước 310x150x10mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.024.400	62
242	956	Khay đựng dụng cụ, kích thước 400x270x20mm	<ul style="list-style-type: none"> Khay đựng dụng cụ, kích thước 400x270x20mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.442.300	90
243	959	Kẹp giữ xương, dài 21 cm, ngàm điều chỉnh được	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp giữ xương, dài 21 cm, ngàm điều chỉnh được - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	11.272.800	15

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
244	966	Kéo ví phẫu, dài 16cm, thẳng	<ul style="list-style-type: none"> Kéo ví phẫu, dài 16cm, thẳng - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	12.822.600	70
245	967	Kéo ví phẫu, dài 16cm, đầu cong	<ul style="list-style-type: none"> Kéo ví phẫu, dài 16cm, đầu cong - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	13.469.400	70
246	968	Banh phẫu thuật, kích thước 300x50mm	<ul style="list-style-type: none"> Banh phẫu thuật, kích thước 300x50mm - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.190.300	20
247	969	Banh phẫu thuật, kích thước nhôm 28x20mm, dài 24cm	<ul style="list-style-type: none"> Banh phẫu thuật, kích thước nhôm 28x20mm, dài 24cm - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	2.849.700	30
248	972	Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm, nhôm cong lên 90° - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	30.592.800	10
249	973	Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm, nhôm cong phải 90° - Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	30.592.800	10

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
250	974	Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp polyp mũi, chiều dài làm việc 10cm, ngâm cong trái 90° - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	30.592.800	10
251	976	Kẹp xoang mũi, ngâm cong lên 90°, cỡ 3.5 mm, chiều dài làm việc 120mm-125mm	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp xoang mũi, ngâm cong lên 90°, cỡ 3.5 mm, chiều dài làm việc 120mm-125mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	Cái	12.460.350	10
252	981	Ống hút đường kính 5mm, dài 16cm	<ul style="list-style-type: none"> Ống hút đường kính 5mm, dài 16cm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	Cái	2.226.135	30
253	989	Chén đựng dung dịch	<ul style="list-style-type: none"> Chén tròn, kích thước 120x55mm, dung tích 0.35L: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	896.700	100
254	990	Khay quả đậu	<ul style="list-style-type: none"> Khay quả đậu, kích thước 250x39mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	980.700	201
255	991	Màng lọc dùng nhiều lần	<ul style="list-style-type: none"> Màng lọc dùng 1000 lần, đường kính 190mm: - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng và mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.177.300	200

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
256	992	Hộp dụng cụ loại 1/2	<p>Tính năng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/2, có nắp đậy (Màu xanh lá).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 285 x 280 x 100mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	21.732.900	26
257	994	Dụng cụ bảo da dài 32 cm	<p>Dụng cụ bảo da, dài 32 cm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix). - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. 	Cái	23.793.000	15
258	1005	Mask xông khí dung các size	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: PVC y tế, có kẹp mũi * Bình chứa thuốc 6ml, người lớn dây nối oxy 2m, trẻ em dây nối oxy 2m, sơ sinh dây nối oxy 2m * Tiêu chuẩn: ISO, FDA 	Bộ	15.000	149.240

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
259	1037	Bộ dụng cụ mở khí quản (bao gồm 19 khoản, 29 món)	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1/ Cán dao số 3 dài 12.5 cm: 1 Cái 2/ Kéo phẫu thuật thẳng mũi nhọn/nhọn dài 13 cm : 1 Cái 3/ Kéo MAYO cong dài 14.5 cm : 1 Cái 4/ Kéo METZENBAUM cong dài 14.5 cm : 1 Cái 5/ Kéo METZENBAUM thẳng dài 14.5 cm : 1 Cái 6/ Nhip phẫu tích dài 14.5 cm: 1 Cái 7/ Nhip phẫu tích có máu dài 14.5 cm : 1 Cái 8/ Kẹp mạch máu thẳng dài 12.5 cm : 2 Cái 9/ Kẹp mạch máu cong dài 12.5 cm : 3 Cái 10/ Kẹp sãng dài 9 cm: 4 Cái 11/ Kẹp bông băng thẳng, ngâm răng cưa dài 18 cm : 1 Cái 12/ Kẹp dụng cụ tiết trùng: 1 Cái 13/ Banh 1 răng tù dài 16 cm : 2 Cái 14/ Banh 2 răng tù dài 17 cm : 2 Cái 15/ Banh KOCHER kích thước 25x 6 mm, dài 21 cm: 2 Cái 16/ Kẹp mang kim dài 15 cm: 1 Cái 17/ Nong khí quản dài 14 cm: 1 Cái 18/ Kẹp mỏ có mắt 5x6, dài 15 cm: 2 Cái 19/ Hộp dụng cụ KT 285x280x85 mm, có nắp đậy: 1 Cái. <p>- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI.</p> <p>- Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng.</p> <p>Mã Tiêu chuẩn không có Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 CE CFS Châu Âu.</p>	Bộ	46.104.000	13

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
260	1038	Bộ dụng cụ tiêu phẫu (bao gồm 7 khoan, 10 món)	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1/ Cán dao mổ số 3, dài 12.5 cm: 1 Cái 2/ Kẹp mạch máu COLLER-CRILE, đầu cong, dài 16cm: 1 Cái 3/ Kéo phẫu thuật, dạng chuẩn, thẳng, mũi nhọn/nhọn, dài 16.5 cm: 2 Cái 4/ Kẹp mang kim CRILE-WOOD, dài 15 cm: 1 Cái 5/ Nhip phẫu tích mô, dạng chuẩn, dài 15 cm: 2 Cái 6/ Nhip phẫu tích mô, dạng chuẩn, dài 15 cm, 1x2 răng: 2 Cái 7/ Mâm đựng dụng cụ, kích thước 210 x 160 x 10mm: 1 Cái. <p>- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1.</p> <p>- Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng.</p> <p>- Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. CE_CFS Châu Âu</p>	Bộ	9.450.000	52

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
261	1039	Bộ dụng cụ trung phẫu (Bao gồm 22 khoan, 41 môn)	<p>bao gồm:</p> <p>1/ Bánh FARABEUF, dài 15 cm, bộ 2 cái: 1 Cái</p> <p>2/ Cán dao mổ số 3, dài 12,5 cm: 1 Cái</p> <p>3/ Kẹp mạch máu RANKIN-CRILE, đầu cong, dài, 16 cm: 4 Cái</p> <p>4/ Kẹp mạch máu RANKIN-CRILE, thẳng, dài 16 cm: 2 Cái</p> <p>5/ Kéo phẫu thuật MAYO, đầu cong, mũi tù/tu, dài 17 cm: 2 Cái</p> <p>6/ Kéo phẫu thuật MAYO, thẳng, mũi tù/tu, dài 15,5 cm: 2 Cái</p> <p>7/ Kéo phẫu thuật METZENBAUM, đầu cong, mũi tù/tu, dài 18cm: 2 Cái</p> <p>8/ Kẹp bóng bằng FOERSTER, thẳng, dài 25 cm, ngàm răng cưa: 1 Cái</p> <p>9/ Kẹp bóng bằng BALLENGER, thẳng, dài 25 cm, ngàm răng cưa: 1 Cái</p> <p>10/ Kẹp mang kim MAYO-HEGAR, dài 18 cm: 1 Cái</p> <p>11/ Kẹp mang kim MAYO-HEGAR, dài 16 cm: 1 Cái</p> <p>12/ Kẹp giữ mô và tổ chức BABCOCK, dài 16 cm: 2 Cái</p> <p>13/ Kẹp mạch máu thẳng dài 14 cm : 2 Cái</p> <p>14/ Kẹp mạch máu cong dài 14 cm : 4 Cái</p> <p>15/ Kẹp giữ mô và tổ chức ALLIS, dài 15 cm, 5x6 răng: 3 Cái</p> <p>16/ Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13 cm: 4 Cái</p> <p>17/ Nẹp phẫu tích mô, dạng cầu vồng, dài 15 cm: 2 Cái</p> <p>18/ Nẹp phẫu tích mô, dạng cầu vồng, dài 15 cm, 1x2 răng: 2 Cái</p> <p>19/ Ống hút phẫu thuật POOLE, đường kính 10 mm, thẳng, dài 22 cm: 1 Cái</p> <p>20/ Hộp dụng cụ tiết trùng, kích thước 465x280x135 mm, có nắp dây màu xanh lá: 1 Cái</p> <p>21/ Kẹp lưới, kích thước 405x255x70 mm: 1 Cái</p> <p>22/ Màng lọc dùng 1000 lần, vật liệu PTFE, hình tròn, đường kính 190mm: 1 Cái.</p> <p>- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo - tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI.</p> <p>- Trên bao bì có in mã vạch, logo - tên nhà sản xuất, mã hàng.</p>	Bộ	77.240.100	20

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tình năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
262	1040	Bộ sanh con so (bao gồm 7 khoan, 7 mốt)	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1/ Kẹp mạch máu KOCHER, thẳng, dài 16 cm, 1x2 răng: 1 Cái 2/ Nhip phẫu tích mô, dạng chuẩn, dài 15 cm: 1 Cái 3/ Nhip phẫu tích mô, dạng chuẩn, dài 15 cm, 1x2 răng: 1 Cái 4/ Kéo phẫu thuật MAYO, đầu cong, mũi tù/tù, dài 17 cm: 1 Cái 5/ Kéo phẫu thuật, dạng chuẩn, thẳng, mũi nhọn/nhọn, dài 16.5 cm: 1 Cái 6/ Kẹp mang kim CRILE-WOOD, dài 15 cm: 1 Cái 7/ Mâm dụng cụ, kích thước 210 x 160 x 10mm: 1 Cái. <p>- Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GSI.</p> <p>- Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng.</p> <p>- Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. CE. CFS Châu Âu</p> <p>Dụng cụ bóc tách 2 đầu FREER, dài 180mm. Trên dụng cụ có khắc: mã Data Matrix, Logo nhà sản xuất, mã sản phẩm, dấu CE. Vật liệu bằng thép không gỉ theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 7153-2 hoặc tương đương ce</p>	Bộ	7.299.600	32
263	1041	Cây bóc tách	<p>Cây móc xương FOMON, dài 170mm. Trên dụng cụ có khắc: mã Data Matrix, Logo nhà sản xuất, mã sản phẩm, dấu CE. Vật liệu bằng thép không gỉ theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 7153-2 hoặc tương đương ce</p>	Cái	1.342.950	10
264	1042	Cây móc xương	<p>Cây nâng xương HOHMANN, rộng 18mm. Trên dụng cụ có khắc: mã Data Matrix, Logo nhà sản xuất, mã sản phẩm, dấu CE. Vật liệu bằng thép không gỉ theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 7153-2 hoặc tương đương ce</p>	Cái	1.979.250	15
265	1043	Cây nâng xương	<p>Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động để đánh giá hiệu quả làm sạch. Cấp độ thử thách rất cao. Phát hiện tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả của quá trình rửa. Kích thước: (70 x 30mm). Màu ban đầu: Màu hồng. Kết quả: loại bỏ chất hữu cơ màu hồng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Que	3.486	4.040
266	1044	Test hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn	<p>Que thử đường + Kim</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ bảo quản : 15°C-30°C - Sử dụng công nghệ cảm biến sinh học mới nhất: - Mẫu máu : máu toàn phần mao mạch tươi - Phạm vi đo lường Glucose : 40-600 mg/dL. - Thành phần hóa học : Glucose Oxides ≥ 0.3 IU; Potassium Ferrocyanide ≥ 0.2 ug; Other elements 68%. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. 	Que	5.500	186.200
268	1048	Ông Hematocrite	Ông Hematorite bằng thủy tinh. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	420	185.600

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
269	1050	Chi thị sinh học kiểm tra sinh vật trong tiết khuẩn hơi nước và H2O2.	Thành phần gồm: Polyester Film, mực, giấy, phim Polystyrene, keo Acrylate. Không chứa cellulose - Là thị hóa học đa thông số cho quy trình tiết khuẩn bằng hơi hóa chất có khả năng giám sát độc lập ba thông số quan trọng: thời gian, nhiệt độ và nồng độ VH2O2. - Dễ đọc kết quả vì thay đổi màu có thể nhìn thấy qua một ô được đánh dấu "TỪ CHỐI" và "CHẤP NHẬN". Mức độ dịch chuyển phụ thuộc vào thời gian tiếp xúc, nhiệt độ và nồng độ của hơi hydrogen peroxide. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Miếng/ Cái	8.628	200
270	1051	Bọc chịu nhiệt 30x50cm	Túi hấp tiết trùng. Chịu nhiệt 121 oC/ hơi nước. Kích thước 30x50cm Tiêu chuẩn ISO 13485.	Kg	355.000	249
271	1059	Thùng hấp dụng cụ phẫu thuật loại 1/1 (cao 135mm) bao gồm: - Thùng hấp - Nắp dây - Khay lưới	Hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có khay lưới, có nắp dây. - Kích thước hộp: 580 x 280 x 135mm - Kích thước khay lưới: 540 x 255 x 70 mm- Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo - tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1.- Trên bao bì có in mã vạch, logo - tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	38.812.200	10
272	1060	Thùng hấp dụng cụ phẫu thuật loại 1/2 (cao 100mm) bao gồm: - Thùng hấp - Nắp dây - Khay lưới	Hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/2, có khay lưới, có nắp dây. - Kích thước hộp: 285 x 280 x 100mm- Kích thước khay lưới: 255 x 245 x 70 mm- Trên dụng cụ được in (khác) laser: logo - tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1.- Trên bao bì có in mã vạch, logo - tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu	Cái	28.856.100	10
273	1061	Lam kính nhám	Lam kính nhám. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	334	263.200
274	1062	lamelle 22 x 22 ml	Lamelle 22x22, trong suốt. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	350	217.620
275	1065	Kẹp lưỡng cực ngậm rộng	Kẹp lưỡng cực ngậm rộng - có khóa điều chỉnh được: -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài ngậm 18mm, đường kính thân 8mm -Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay đa chiều. -Có đầu kết nối lưỡng cực. Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn DIN EN 10088 T.1-3, DIN EN ISO 7153-1, F.899-7, mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương	Cây/ Cái	50.345.000	5

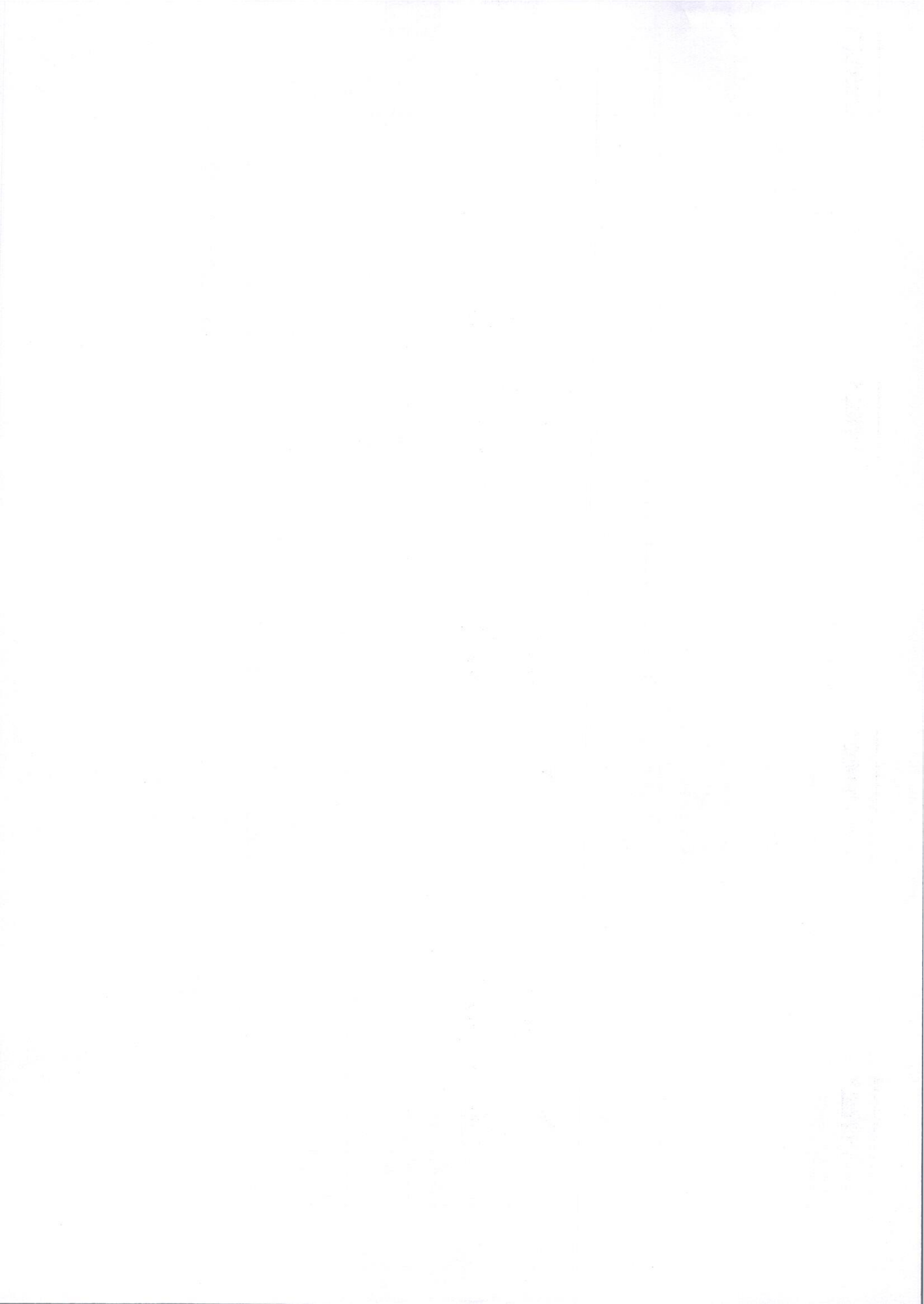
S TT	S TT trong HSM T	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL CNT	Số lượng
276	1066	Khóa tự động cho hộp đựng dụng cụ	<p>Khóa tự động cho hộp đựng dụng cụ tiết trùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	3.780.000	200
277	1068	Nhiệt kế thủy ngân	<p>Bên trong chứa thủy ngân; bên ngoài có vạch định mức đo nhiệt độ; dùng để đo kẹp nách.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p> <p>Hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 3/4, có khay lưới, có nắp đậy (màu xanh lá).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 465 x 280 x 135mm - Kích thước khay lưới: 405 x 255 x 70 mm 	Cái	19.800	22.545
278	1071	Thùng hấp dụng cụ 3/4	<p>Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, CFS Châu Âu 	Cái	33.392.100	10
279	1073	Chỉ thị hóa học kiểm tra gói hấp	<p>Test kiểm soát gói đồ hấp 5.1cm x 1.9cm</p> <ul style="list-style-type: none"> * Paper >92% * Salicylamide <8% <p>Thiết kế nhỏ gọn với bác giấy và mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiết trùng (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p>	Miếng	3.410	184.724

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
280	1076	Túi máu ba 350ml, loại Đầy - Đỉnh	<p>Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)</p> <p>Bộ túi này màu trắng trong suốt - đây gồm gồm 5 túi rỗng, công gờ trong suốt. Sử dụng trên máy tách thành phần máu tự động MacoPress Smart</p> <p>Túi 1: Túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD</p> <p>Túi được sử dụng để chứa máu toàn phần trước khi điều chế tách thành phần máu và chứa, bảo quản lớp Buffycoat sau khi điều chế tách thành phần máu.</p> <p>Thành phần dung dịch CPD bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Acidum citricum monohydricum: 3,27g + Natri citras: 26,3g + Natri dihydrogenophosphas dihydricus: 2,51g + Glucosum monohydricum: 25,5g + Aqua ad iniectionem: 1000ml + pH: 5,6 ± 0,3 + 285 mmol Na/ 1000ml <p>Thể tích lưu trữ: 350ml ± 10%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp bảo vệ đầu kim sau khi kim đã sử dụng xong, nắp bảo vệ phải dính chắc cố định không kéo hoặc mở lại được sau khi sử dụng (Secuvam) - Có ngã lấy mẫu xét nghiệm bằng ống chân không và túi nhỏ lấy mẫu (Bactivam) - Van một chiều tại khớp nối chữ Y nằm trên đường dây lấy máu chính: Ngăn chất chống đông CPD chảy ngược lên đầu kim, và vào túi mẫu, cũng như ngăn không khí lọt vào túi sản phẩm. <p>Túi 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi để sử dụng để chứa và bảo quản huyết tương sau khi điều chế tách thành phần máu <p>Túi 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi được sử dụng để chứa và bảo quản khối hồng cầu sau khi điều chế tách thành phần máu. <p>Thành phần dung dịch SAGM bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Natri chloridum: 8,77g + Mannitolum: 5,25g + Glucosum monohydricum: 9,0g + Adeninum: 0,169g + Aqua ad iniectionem: 1000ml 	Túi	126.000	10.000
281	1078	Côn 70 độ	Côn 70 độ sát trùng ngoài da đạt chuẩn GMP-WHO hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	35.175	53.319
282	1079	Côn 90 độ	Côn 90 độ sát trùng ngoài da đạt chuẩn GMP-WHO hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	38.850	27.386

STT	STT trong HSMIT	Tên vật tư y tế	Tình năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
283	1084	Chỉ thị sinh Hóa học kiểm tra chất lượng trong tiết khuẩn	Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Kích thước: 1.5 x 20cm (+/-5%) - Kết quả sau t.ết khuẩn: chỉ thị hóa học cho kết quả rõ, đồng nhất (Vạch màu thay đổi từ màu đỏ sang màu xanh sau khi qua tiết khuẩn.) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA hoặc tương đương	Que	3.147	10.100
284	1085	Bao chụp kính hiển vi	Bao chụp kính hiển vi, chất liệu plastic trong suốt có 3 đầu chụp để quan sát, mỗi đầu có 2 lỗ với đường cắt sẵn, có tâm kính bao đầu kính hiển vi với đường kính 65mm, chất liệu bằng pha lê trong suốt, - Kích cỡ 122 x 209cm - Tiết khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	31.500	245
285	1093	Bộ Bàn Balfour dùng trong mổ lấy thai	Bộ bàn bưng Balfour, bao gồm: lưới trung tâm 70x85 mm, lưới bên 35x100 mm, độ mở 250 mm. Dụng cụ sản xuất với nguyên liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7. mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn về phơi nhiệt theo tiêu chuẩn Din EN ISO 13402 hoặc tương đương	Bộ/Cái	22.912.000	8
286	1097	Cảm biến BMU đóng mạch các cỡ	- Cảm biến được tích hợp trực tiếp dây dẫn, vì vậy không cần mỗi bộ súng - Công nghệ cảm biến tiên tiến, lưu lượng máu trong ống dẫn được tối ưu hoá và giúp cho đo lường đạt độ chính xác cao nhất Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.320.000	120
287	1098	tube Fancoi 1.5 ml	Ống ly tâm 5ml, nắp vặn, có chia vạch. Free DNase, RNase Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	225	9.000
288	1099	Pipet nhựa	Chất liệu: polyethylen, thể tích: 3ml, chiều dài: 15cm, có bầu nhựa, có vạch chia, độ chia nhỏ nhất 0.5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.680	26.340
289	1100	Dầu xịt bôi trơn bảo dưỡng dụng cụ	Xịt vào các bộ phận khớp chuyển động của dụng cụ trước khi hấp tiết khuẩn giúp bôi trơn và chống rỉ sét cho dụng cụ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai/Cái	494.000	50
290	1101	Dây garo có khóa	Chất liệu: Thun cotton màu xanh. Dây có độ co giãn tốt, Băng dính 2 đầu, miếng giải bên ngoài, dễ thao tác. Có thể sử dụng lại nhiều lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	3.150	14.726
291	1104	Máy đo huyết áp người lớn	Máy đo huyết áp cơ với vòng bit làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Tai nghe có độ khuếch đại lớn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	405.000	2.634
292	1105	Ống nghe huyết áp	Ống nghe huyết áp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	89.355	1.507
293	1107	Test kiểm soát gói đồ hấp 5.1cm x 1.9cm	Test kiểm soát gói đồ hấp 5.1cm x 1.9cm * Paper >92% * Salicylamide <8% Thiết kế nhỏ gọn với bác giấy và mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiết trùng (hoặc tương đương) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng/ que	3.300	680
294	1108	Túi oxy	Túi đựng oxy 42 lit có khóa, chất liệu làm bằng nhựa PVC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	140.000	624

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHLCNT	Số lượng
295	1109	Kẹp phẫu tích gấp sonde JJ		Cái	16.692.900	5
296	1110	Lưỡi dao cắt vi thể		Cái	90.000	1.600
297	1113	Vòng tránh thai T380		Cái	12.000	10.580
298	1114	Thùng hấp dụng cụ phẫu thuật loại 3/4 (cao 100mm) bao gồm: - Thùng hấp - Nắp đậy - Khay lưới	Kẹp phẫu tích gấp sonde JJ và mảnh sợi, cỡ 9Fr, dài 40cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, ...) và tương thích với nhiều loại máy cắt.E1137 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Vòng tránh thai chữ T. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 3/4, có khay lưới, có nắp đậy (màu vàng). - Kích thước hộp: 465 x 280 x 100mm - Kích thước khay lưới: 405 x 255 x 70 mm - Trên dụng cụ được in (khắc) laser: logo – tên nhà sản xuất, mã số dụng cụ, dấu hiệu chứng nhận hàng hóa được lưu hành vào thị trường, mã số chống hàng giả (data matrix) được cấp bởi GS1. - Trên bao bì có in mã vạch, logo – tên nhà sản xuất, mã hàng. - Vật liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.CE.,CFS Châu Âu Nắp chụp đầu ống soi dạ dày, đại tràng các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	32.663.400	10
299	1115	Nắp chụp đầu ống soi		Cái	1.200.000	10
300	1116	Điện cực xê cô bàng quang, đầu nhọn		Hộp	13.318.200	10
301	1117	Điện cực cắt đốt hình cầu		Hộp	13.318.200	20
302	1118	Ống vỏ ngoài phẫu thuật, 26 Fr		Cái	9.048.900	10
303	1119	Nòng trong đầu ceramic cách điện, xoay tròn được		Cái	21.319.200	10
304	1120	Tay cắt nội soi		Cái	49.347.900	3
305	1123	Ruột kẹp phẫu tích		Cái	8.528.100	10
306	1124	Ruột kẹp phẫu tích ruột		Cái	8.528.100	10
307	1127	Ruột kẹp phẫu tích răng chuột MANHES		Cái	8.528.100	10
308	1129	Ruột kéo cắt mô		Cái	9.620.100	10
309	1133	Kẹp phẫu tích Ovary		Cái	22.100.400	10

STT	STT trong HSMT	Tên vật tư y tế	Tình năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương (về các tiêu chí cơ bản, mục đích sử dụng, chất lượng sản phẩm)	Đơn vị tính	Đơn giá KHL/CNT	Số lượng
310	1134	Ruột kẹp đốt lưỡng cực	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, hàm đốt gồm hai nhánh với bề rộng đầu đốt 3 mm, cỡ 5 mm, dài 33 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	7.696.500	10
311	1135	Kẹp phẫu tích lưỡng cực	Kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY, kiểu CLERMONT-FERRAND, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có: - Tay cầm nhựa không khóa với đầu nối dây đốt điện lưỡng cực - Ống vỏ ngoài cách điện - Ruột kẹp phẫu tích, hàm mở 02 bên Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	40.611.900	10
312	1136	Kéo phẫu tích lưỡng cực	Kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM, kiểu CLERMONT-FERRAND, cỡ 5 mm, dài 36 cm, gồm có: - Tay cầm nhựa không khóa với đầu nối dây đốt điện lưỡng cực - Ống vỏ ngoài cách điện - Ruột kéo phẫu tích, hàm cong và mở 02 bên Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	63.336.000	12
313	1137	Dụng cụ phẫu tích đơn cực hình L	Dụng cụ phẫu tích đơn cực hình L, cỡ 5 mm, dài 36 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	5.460.000	10
314	1138	Dao xẻ lạnh niệu quản và ống mật chủ	Dao xẻ lạnh niệu quản và ống mật chủ, cỡ 5 mm, dài 31 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	16.067.100	10
315	1139	Chổi vệ sinh cho vệ sinh hàm	Chổi vệ sinh cho vệ sinh hàm. - Đóng gói: bao ≥ 5 cái. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bao	2.404.500	10
316	1140	Điện cực cắt đốt, dạng vòng cắt	Điện cực cắt đốt, dạng vòng cắt, với đầu cảm 02 chân, hộp ≥ 06 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Hộp	13.318.200	10
317	1141	Giấy in nhiệt 58*30	Giấy in nhiệt 58*30 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	11.865	2.500
318	1142	Chi thị hóa học kiểm tra gói hấp	Test chi thị hóa học, thời gian test 4 phút ở nhiệt độ 134°C, thời gian test 12 phút ở nhiệt độ 121°C. Không chỉ, không có kim loại nặng độc hại, có một lớp keo ở mặt sau và có thể dán được sau khi đem hấp. Chi thị chuyển từ màu TÍM sang màu XANH đối chứng là đạt, đạt tiêu chuẩn class 6. Kích thước: 3.8cm x 3.8cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	3.300	7.400



1880
1881
1882
1883
1884
1885
1886
1887
1888
1889
1890



PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 2044/ST-T-KHTC ngày, tháng năm 2024.....

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; K. D. ươ
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết.....



2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng, năm cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng, năm đề xuất ý kiến.....